



Do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ



BÁO CÁO

Tình hình Tội phạm và Thực thi Pháp luật
về Bảo vệ Động vật Hoang dã tại Việt Nam,
giai đoạn 2018-2019

BÁO CÁO

Tình hình Tội phạm và Thực thi Pháp luật về Bảo vệ Động vật Hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2018-2019

Báo cáo là một phần kết quả của dự án “Phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã tại Việt Nam” do Cục Phòng chống Ma túy và Thực thi Pháp luật Quốc tế (INL), Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ thông qua Tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS) - Chương trình Việt Nam. Nội dung tài liệu do Tổ chức WCS xây dựng, và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.

WCS hoạt động tại Việt Nam từ năm 2006, tập trung tăng cường năng lực thực thi pháp luật cho các cơ quan chức năng tại Việt Nam và hỗ trợ hoàn thiện khung pháp lý để đấu tranh với tội phạm về động vật hoang dã. WCS ưu tiên một số lĩnh vực hoạt động chủ chốt nhằm tác động đến các mạng lưới buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật tại Việt Nam ở mọi cấp độ, với mục tiêu cuối cùng là hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam phòng, chống và đấu tranh hiệu quả đối với loại tội phạm này.

Website: <https://vietnam.wcs.org/>

Trích dẫn:

WCS Việt Nam. (2021). Báo cáo Tình hình Tội phạm và Thực thi pháp luật về Bảo vệ Động vật Hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2018-2019. WCS Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.

Bản quyền: Nội dung của bản báo cáo hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của WCS Việt Nam và không được sao chép hay trích dẫn mà không có sự đồng ý trước của WCS Việt Nam.

Các bản đồ sử dụng trong báo cáo này chỉ mang tính chất minh họa và không phản ánh chính xác đường biên giới của các quốc gia.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	5
TÓM TẮT	6
I. TỔNG QUAN.....	9
1.1. Bối cảnh của hoạt động đánh giá	9
1.2. Mục tiêu hoạt động đánh giá	10
1.3. Phạm vi hoạt động đánh giá	11
1.4. Phương pháp tiến hành hoạt động đánh giá	11
1.5. Hạn chế của hoạt động đánh giá	12
II. TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VỀ ĐVHD TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2018-2019	14
2.1. Mức độ tội phạm về ĐVHD	14
2.1.1. Số vụ vi phạm và số loài ĐVHD bị bắt giữ	14
2.1.2. Loại hình của ĐVHD bị bắt giữ	14
2.1.3. Số lượng và khối lượng ĐVHD bị bắt giữ	15
2.1.5. Vi phạm liên quan đến loài voi	17
2.1.6. Vi phạm liên quan đến loài tê tê	20
2.1.7. Vi phạm liên quan đến loài tê giác	22
2.1.8. Vi phạm liên quan đến loài hổ và các loài mèo lớn	24
2.2. Điểm xuất phát, điểm đến và nguồn gốc của ĐVHD trong các vụ vi phạm	26
2.2.1. Vận chuyển và buôn bán ĐVHD xuyên biên giới.....	27
2.2.2. Vận chuyển và buôn bán ĐVHD trong nước.....	27
2.2.3. Phương tiện sử dụng để vận chuyển ĐVHD.....	28
2.3. Tổng quan về đối tượng phạm tội	28
2.3.1. Đối tượng phạm tội theo chủ thể.....	28
2.3.2. Nơi cư trú của đối tượng phạm tội	29
2.3.3. Giới tính của đối tượng phạm tội	30
2.3.4. Độ tuổi của đối tượng phạm tội.....	30
2.3.5. Hành vi phạm tội	31
2.3.6. Động cơ, mục đích của đối tượng phạm tội	31
III. HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỘI PHẠM VỀ ĐVHD	32
3.1. Hiệu quả công tác bắt giữ, xử lý tội phạm về ĐVHD theo địa phương.....	32
3.2. Hiệu quả công tác bắt giữ, xử lý tội phạm về ĐVHD theo thời gian.....	34
3.3. Công tác phát hiện, bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD	37

3.3.1. Sự tham gia của các cơ quan thực thi pháp luật trong phát hiện, bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD	37
3.3.2. Công tác phối hợp liên ngành trong phát hiện, bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD	41
3.4. Công tác xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD	42
3.4.1. Số lượng, tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố liên quan đến ĐVHD	42
3.4.2. Số lượng vụ án/bị can bị khởi tố hình sự về tội liên quan đến ĐVHD	43
3.4.3. Số lượng bị can bị truy tố hình sự về tội liên quan đến ĐVHD	43
3.4.4. Số lượng bị cáo bị xét xử hình sự về tội liên quan đến ĐVHD.....	43
3.4.5. Tỷ lệ giải quyết của Cơ quan điều tra đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD....	44
3.4.6. Hình phạt áp dụng đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD.....	45
3.4.7. Hình thức xử lý vật chứng là ĐVHD	46
3.5. Hiệu quả công tác xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD	47
3.5.1. Xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD giai đoạn 2018-2019 và giai đoạn 2016-2017 (trước và sau khi Bộ luật Hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành).....	47
3.5.2. Tỷ lệ tái phạm của các bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD.....	49
IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KHUYẾN NGHỊ	50
4.1. Khó khăn, vướng mắc	50
4.1.1. Về pháp luật, chính sách và thực tiễn áp dụng.....	50
4.1.2. Về công tác phối hợp liên ngành trong nước và hợp tác quốc tế.....	51
4.1.3. Về nhân lực, trình độ nghiệp vụ của lực lượng thực thi pháp luật.....	51
4.1.4. Về nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất	51
4.1.5. Về công tác thống kê, phân tích, đánh giá tội phạm liên quan đến ĐVHD và sử dụng các kết quả đánh giá	52
4.2. Khuyến nghị	52
4.2.1. Khuyến nghị 1: Sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật khi áp dụng xử lý hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD	52
4.2.2. Khuyến nghị 2: Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp liên ngành trong nước và hợp tác quốc tế.....	52
4.2.3. Khuyến nghị 3: Chú trọng đầu tư nhân lực, nâng cao năng lực cho lực lượng thực thi pháp luật, đảm bảo nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất	53
4.2.4. Khuyến nghị 4: Tổ chức thực hiện thống kê định kỳ, đầy đủ, thống nhất và khuyến khích việc tham khảo các kết quả phân tích, đánh giá tội phạm liên quan đến ĐVHD	53
PHỤ LỤC	54
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	58

LỜI CẢM ƠN

Tiếp nối các kết quả đã đạt được trong hoạt động đánh giá tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về động vật hoang dã (ĐVHD) giai đoạn 2013-2017, tổ chức WCS Việt Nam tiếp tục phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC), đơn vị đầu mối là Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin thực hiện thống kê, phân tích số liệu các vụ vi phạm hình sự liên quan đến ĐVHD trong hai (02) năm tiếp theo (2018-2019). Kết quả hoạt động đánh giá này được tổng hợp thành ***Báo cáo Tình hình Tội phạm và Thực thi Pháp luật về Bảo vệ Động vật Hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2018-2019***.

Chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác chặt chẽ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC), trực tiếp là Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin trong việc xây dựng báo cáo này. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn Viện kiểm sát nhân dân và các cơ quan thực thi pháp luật (Công an, Kiểm lâm, Hải quan, Bộ đội biên phòng...) của 50 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước đã hỗ trợ chúng tôi hoàn thiện báo cáo.

Hoạt động này được thực hiện bằng nguồn tài trợ của Cục Đặc trách chất gây nghiện và Thực thi pháp luật quốc tế (INL) - Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Các nhận định và quan điểm được trình bày trong báo cáo không phản ánh quan điểm hay chính sách của đơn vị tài trợ mà thuộc về nhóm tác giả trực tiếp thực hiện báo cáo.

TÓM TẮT

Bản báo cáo này cung cấp những phân tích khái quát về tình hình tội phạm và công tác bắt giữ, xử lý tội phạm vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm của các cơ quan chức năng. Nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên dữ liệu được thu thập, tổng hợp từ phiếu thống kê do Viện kiểm sát nhân dân các địa phương trên toàn quốc phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan cung cấp. Dữ liệu được phân tích theo các bộ chỉ số được đề xuất bởi Liên minh phòng chống tội phạm về các loài động thực vật hoang dã toàn cầu (ICCWC), Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC), các tổ chức và chuyên gia trong lĩnh vực này. Báo cáo cũng so sánh, phân tích, đánh giá tính hiệu quả công tác xử lý tội phạm về ĐVHD giai đoạn trước và sau khi Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Dưới đây là một số kết quả phân tích chính được trình bày trong báo cáo:

- **Tổng số vụ vi phạm và đối tượng bị bắt giữ, xử lý**

Trong hai năm (2018-2019), các cơ quan chức năng đã bắt giữ, xử lý 267 vụ vi phạm với 334 đối tượng (bao gồm 329 cá nhân, 05 pháp nhân thương mại) có các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm.

- **Số lượng, khối lượng và các loài ĐVHD bị phát hiện, bắt giữ**

Tổng số có 2.069 cá thể và 39.371 kg ĐVHD bị phát hiện, bắt giữ trong các vụ vi phạm bị xử lý hình sự trong giai đoạn 2018-2019, liên quan đến hơn 40 loài bị săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép. Trong đó, các loài phổ biến bị bắt giữ là các loài nguy cấp, quý, hiếm như: tê tê, voi, rắn hổ mang chúa, hổ, rùa biển, tê giác...

- **Điểm nóng phát hiện, bắt giữ và xử lý tội phạm về ĐVHD**

Các vụ vi phạm xảy ra chủ yếu tại các thành phố lớn có cảng, sân bay và/hoặc có đường biên giới. Một số địa phương có số lượng lớn vụ vi phạm bị bắt giữ, xử lý như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Nghệ An, Hà Tĩnh...

- **Điểm xuất phát và điểm đến của ĐVHD**

Về điểm xuất phát của ĐVHD trong các vụ bắt giữ tại Việt Nam, trong số 14/267 vụ vi phạm có ghi nhận thông tin về điểm xuất phát thì châu Á là điểm xuất phát của hơn 71% (10/14 vụ vi phạm), còn lại 29% (4/14 vụ vi phạm) có điểm xuất phát từ các nước châu Phi. Tại châu Á, ĐVHD xuất phát chủ yếu từ các nước Đông Nam Á với 09 trong 10 vụ vi phạm, bao gồm: Lào với tỷ lệ lớn nhất là 66,67% (6/9 vụ vi phạm); Campuchia; Singapore và Malaysia chiếm tỷ lệ nhỏ hơn, mỗi quốc gia là 11,11% (1/9 vụ vi phạm), còn lại 01 vụ vi phạm có điểm xuất phát từ Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE).

Về điểm đến của ĐVHD, có 1,5% (4/267 vụ vi phạm) ghi nhận có điểm đến ngoài Việt Nam, đều là Trung Quốc.

Lưu ý rằng, số liệu này không phản ánh một cách đầy đủ về điểm xuất phát và điểm đến cuối cùng của ĐVHD do các đối tượng phạm tội thường không khai báo nguồn gốc hàng hóa, điểm xuất phát và điểm đến khi bị bắt giữ.

- ***Phân bố giới tính và độ tuổi của đối tượng phạm tội***

Tỷ lệ Nam giới chiếm đa số so với Nữ giới phạm tội liên quan đến ĐVHD, tỷ lệ lần lượt là 87,54% (288/329 đối tượng) và 12,54% (41/329 đối tượng).

Đối tượng phạm tội liên quan đến ĐVHD chủ yếu là người trẻ tuổi, ở độ tuổi lao động trung bình. Trong đó, các đối tượng phạm tội trong độ tuổi từ 30 đến 35 tuổi chiếm tỷ lệ cao, với 27,05% (89/329 đối tượng), tiếp đến là độ tuổi từ 24 đến 29 tuổi chiếm tỷ lệ là 20,97% (68/329 đối tượng).

Phân bố độ tuổi của đối tượng phạm tội là Nữ giới cũng đáng chú ý khi có gần 40% (5/13 đối tượng) có độ tuổi từ 54 đến 59 tuổi.

- ***Hiệu quả thực thi pháp luật của các địa phương***

Một số địa phương có tỷ lệ bắt giữ và khởi tố hình sự về ĐVHD chiếm tỷ lệ cao, phân bố đều trong 24 tháng (2018-2019), đây đều là các thành phố lớn hoặc có khu vực biên giới, bao gồm: Hà Nội (83 vụ án/108 bị can), TP. Hồ Chí Minh (17 vụ án/12 bị can), Quảng Ninh (16 vụ án/28 bị can), Nghệ An (14 vụ án/21 bị can), Đồng Nai (13 vụ án/17 bị can), Quảng Nam (10 vụ án/11 bị can), Bình Dương (9 vụ án/12 bị can), Hà Tĩnh (5 vụ án/10 bị can).

Tổng số vụ án/bị can bị khởi tố hình sự về ĐVHD thu thập được tại 50 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là 267 vụ án/326 bị can, trong đó địa phương ghi nhận số vụ án/bị can thấp nhất là 1 vụ/1 bị can và cao nhất là 83 vụ/108 bị can. Có 13 địa phương báo cáo không ghi nhận vụ án khởi tố hình sự liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn này, gồm: Bắc Kạn, Bạc Liêu, Bến Tre, Đồng Tháp, Hà Giang, Hải Dương, Hải Phòng, Hậu Giang, Long An, Nam Định, Phú Yên, Quảng Ngãi và Sóc Trăng. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là trên thực tế không có vụ vi phạm nào liên quan đến ĐVHD xảy ra tại các địa phương này trong giai đoạn báo cáo.

- ***Sự tham gia của các cơ quan thực thi pháp luật trong phát hiện, bắt giữ tội phạm về ĐVHD***

Có nhiều cơ quan tham gia vào công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD, tuy nhiên với dữ liệu thu thập được trong giai đoạn 2018-2019 cho thấy có 04 cơ quan chuyên trách tham gia chính là Công an, Kiểm lâm, Hải quan và Bộ đội biên phòng. Trong đó, Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường là lực lượng chính trong ngành Công an thực hiện công tác phát hiện, bắt giữ và Kiểm lâm là lực lượng phối hợp tích cực với lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường trong công tác này. Điều này là hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan được pháp luật Việt Nam quy định. Bên cạnh đó, lực lượng Hải quan (cụ thể là Cục Điều tra chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan), Bộ đội biên phòng và lực lượng khác (Cảnh sát giao thông, An ninh sân bay) cũng góp phần quan trọng trong việc phát hiện, bắt giữ các vụ vi phạm hình sự liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn năm 2018-2019.

- ***Tỷ lệ khởi tố hình sự so với tỷ lệ phát hiện, bắt giữ***

Trong tổng số 267 vụ vi phạm với 334 đối tượng (bao gồm 329 cá nhân, 05 pháp nhân thương mại) bị bắt giữ và xử lý, trong giai đoạn 2018-2019, các cơ quan chức năng đã

khởi tố 267 vụ án/326 bị can. Tỷ lệ khởi tố vụ án và khởi tố bị can này tương đối cao so với số lượng vụ vi phạm và đối tượng bị phát hiện, bắt giữ trong giai đoạn này (238 vụ án/318 bị can). Cụ thể theo năm như sau:

Năm 2018: Số vụ án bị khởi tố chiếm 115,57% (141/122) trong tổng số vụ vi phạm bị phát hiện, bắt giữ; số bị can bị khởi tố chiếm 103,68% (169/163) trong tổng số đối tượng bị bắt giữ.

Năm 2019: Số vụ án bị khởi tố chiếm 108,62% (126/116 vụ vi phạm) trong tổng số vụ vi phạm bị phát hiện, bắt giữ; số bị can bị khởi tố chiếm 101,29% (157/155 đối tượng) trong tổng số đối tượng bị bắt giữ.

Lưu ý rằng: Số vụ án và số bị can bị khởi tố cao hơn số vụ vi phạm và đối tượng bị phát hiện, bắt giữ là do một số vụ vi phạm bị phát hiện, bắt giữ trước năm 2018 nhưng đến năm 2018 hoặc năm 2019 mới bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố hình sự để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- **Hành vi vi phạm bị bắt giữ và tội danh khởi tố hình sự**

Hành vi buôn bán trái phép ĐVHD là hành vi bị khởi tố hình sự nhiều nhất với 43,56% (142/326 bị can), tiếp theo là hành vi vận chuyển với 29,75% (97/326 bị can), hành vi tàng trữ chiếm tỷ lệ cao thứ ba là 8,59% (28/326 bị can), thấp nhất là hành vi nuôi nhốt với tỷ lệ là 1,84% (6/326 bị can).

Nếu xét theo tội danh khởi tố hình sự đối với các bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD, phần lớn các bị can bị khởi tố về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo Điều 244 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chiếm tỷ lệ là 91,7% (299/326 bị can), Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo Điều 234 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chỉ chiếm tỷ lệ là 8.3% (27/326 bị can).

- **Loại hình phạt và mức hình phạt áp dụng khi xét xử sơ thẩm tội phạm liên quan đến ĐVHD**

Số bị cáo bị phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ lớn nhất là 56,32% (156/277 bị cáo), tiếp theo là hình phạt tù cho hưởng án treo có tỷ lệ là 41,52% (115/277 bị cáo), thấp nhất lần lượt là hình phạt phạt tiền chiếm tỷ lệ là 0,72% (2/277 bị cáo) và cải tạo không giam giữ chiếm tỷ lệ là 1,44% (4/277 bị cáo).

Trong tổng số 156 bị cáo bị phạt tù có thời hạn thì số bị cáo nhận mức án từ 1 năm đến dưới 3 năm và từ 3 năm đến dưới 7 năm chiếm tỷ lệ cao nhất là 39,1% (61/156 bị cáo), số bị cáo bị tuyên hình phạt tù có thời hạn từ 7 năm đến dưới 10 năm chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 12,82% (20/156 bị cáo), số bị cáo bị tuyên hình phạt tù có thời hạn từ dưới 12 tháng và từ 10 năm đến dưới 15 năm chiếm tỷ lệ thấp nhất là 4,49% (7/156 bị cáo).

Ngoài hình phạt tù, có 10,26% (16/156 bị cáo) phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền với tổng số tiền là 522,5 triệu đồng, trong đó phạt tiền cao nhất là 100 triệu đồng và thấp nhất là 7,5 triệu đồng.

I. TỔNG QUAN

1.1. Bối cảnh của hoạt động đánh giá

Theo báo cáo của Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC) năm 2020, tội phạm về ĐVHD tiếp tục được đánh giá là loại hình tội phạm nghiêm trọng, có tổ chức và thường gắn liền với các loại tội phạm có tổ chức khác như rửa tiền... Các đối tượng buôn bán ĐVHD có quốc tịch của 150 quốc gia, điều này cho thấy tội phạm về ĐVHD là vấn đề toàn cầu và gần như mọi quốc gia trên thế giới đều đóng vai trò nhất định trong hoạt động buôn bán trái phép này (UNODC, 2020).

Châu Á được xác định là một điểm nóng tiêu thụ ĐVHD và là điểm đến chính của ĐVHD và sản phẩm ĐVHD trên toàn cầu. Trong đó, Việt Nam tiếp tục được nhận định là điểm đến và điểm trung chuyển chính trong chuỗi cung ứng ĐVHD này. Theo báo cáo của UNODC năm 2020, Việt Nam là điểm đến của 42% các vụ buôn lậu ngà voi (giai đoạn 2015-2019) và 41% các vụ buôn lậu sừng tê giác (giai đoạn 2002-2019) trên toàn thế giới. Tỷ lệ này cao hơn so với các quốc gia khác trong khu vực cũng được xác định là những mắt xích quan trọng trong chuỗi buôn bán ĐVHD như Trung Quốc, Campuchia, Malaysia, Thái Lan.

Với các đặc điểm và tình hình hiện nay, bên cạnh việc làm suy giảm đa dạng sinh học, mất cân bằng sinh thái, hoạt động buôn bán trái phép ĐVHD và tội phạm về ĐVHD còn ảnh hưởng đến kinh tế, an ninh của các quốc gia và là tiền đề của các loại hình tội phạm khác như tham nhũng, rửa tiền. Bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng gần 2/3 các bệnh truyền nhiễm trên người là bệnh lây truyền từ động vật và trong đó có ít nhất 3/4 các bệnh là có nguồn gốc từ ĐVHD (Loh và cộng sự, 2015). Theo đó, chuỗi cung ứng ĐVHD (hợp pháp và bất hợp pháp) đều liên quan đến những điều kiện có nguy cơ cao làm xuất hiện và lây lan các mầm bệnh có nguồn gốc động vật mang nguy cơ gây ra đại dịch, bao gồm đại dịch COVID-19 đã và đang gây ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế, xã hội và các nền kinh tế khắp thế giới.

Trước bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam đã và đang nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp nhằm phòng, chống loại tội phạm mang tính chất toàn cầu này. Nổi bật trong đó là các giải pháp cải cách chính sách, pháp luật về bảo vệ ĐVHD; tăng cường đấu tranh, ngăn chặn và triệt phá các đường dây tội phạm về ĐVHD của các cơ quan thực thi pháp luật; thúc đẩy hợp tác quốc tế và thực thi các điều ước quốc tế có liên quan như Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC)... Cụ thể, về chính sách pháp luật, một loạt các văn bản pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới và có hiệu lực thi hành trong giai đoạn 2018-2019 tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD như BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 đã cụ thể hóa các hành vi vi phạm so với BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), bên cạnh đó, khung hình phạt cũng nghiêm khắc hơn và lần đầu tiên quy định thêm trách nhiệm hình sự của pháp nhân

thương mại đối với cả hai tội danh về bảo vệ ĐVHD. Đặc biệt, để bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xử lý hành vi vi phạm, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 234 và Điều 244 của Bộ luật Hình sự. Nhiều văn bản pháp luật khác cũng được sửa đổi đảm bảo sự thống nhất trong quy định của pháp luật như: Luật Lâm nghiệp năm 2017 có hiệu lực từ 01/01/2019; Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 15/4/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 về quản lý động, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về Buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp; Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản...

Bên cạnh đó, Việt Nam đã và đang tăng cường thiết lập hợp tác quốc tế chặt chẽ với nhiều quốc gia, từ châu Phi đến châu Á và giữa các nước trong Khu vực Đông Nam Á, trong công tác thực thi pháp luật và hỗ trợ pháp lý. Trong giai đoạn 2010-2020, Việt Nam đã ký kết Hiệp định Tương trợ Tư pháp về hình sự với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (2020), Vương quốc Campuchia (2016), Cộng hòa Indonexia (2013). Năm 2012, Chính phủ Nam Phi và Chính phủ Việt Nam đã ký biên bản ghi nhớ về hợp tác bảo tồn và bảo vệ đa dạng sinh học, bao gồm giải quyết nạn buôn bán trái phép ĐVHD. Vào tháng 8/2017, Chính phủ Việt Nam và Mozambique đã ký biên bản ghi nhớ về hợp tác bảo vệ, bảo tồn các loài động vật, thực vật hoang dã. Tháng 12/2018, hai quốc gia đã ký kết Hiệp định Tương trợ Tư Pháp về hình sự. Văn bản này đã được phê chuẩn bởi chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào tháng 7/2019 và Thủ tướng nước Cộng hòa Nhân dân Mozambique vào tháng 5/2020. Đây là hành lang pháp lý quan trọng cho phép cơ quan thực thi pháp luật của các nước hợp tác điều tra những vụ án xuyên quốc gia.

Song song với các giải pháp nêu trên, cần có các hoạt động phân tích, đánh giá thường xuyên trên phạm vi toàn quốc nhằm xác định tình hình, xu hướng của các vi phạm và tội phạm liên quan đến ĐVHD, hiệu quả công tác thực thi pháp luật, đồng thời tìm ra các lỗ hổng trong chính sách và thực thi chính sách. Các phân tích, đánh giá này sẽ giúp ích cho các cơ quan chức năng có liên quan trong việc đưa ra các giải pháp kịp thời nhằm tăng cường hiệu quả phòng, chống buôn bán trái phép ĐVHD. Chính vì vậy, hoạt động thu thập và phân tích dữ liệu các vụ vi phạm bắt giữ, xử lý liên quan đến ĐVHD đã được thực hiện từ năm 2016 và hoạt động đánh giá trong khuôn khổ báo cáo này là bước tiếp nối các kết quả đã đạt được.

1.2. Mục tiêu hoạt động đánh giá

- a. Phân tích, đánh giá được tình hình tội phạm về ĐVHD giai đoạn 2018-2019 (về số vụ vi phạm, các loài ĐVHD liên quan, loại hình vi phạm, đối tượng vi phạm, hành vi vi phạm...);
- b. Phân tích, đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật của các cơ quan chức năng đối với loại hình tội phạm này (các cơ quan bắt giữ/truy tố/xét xử, cơ chế phối hợp...);

- c. Xác định được những thuận lợi và khó khăn trong thực tế bắt giữ, xử lý các vụ vi phạm. Từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp luật và tăng cường hiệu quả thực thi của các cơ quan chức năng liên quan.

1.3. Phạm vi hoạt động đánh giá

Hoạt động đánh giá chỉ tập trung vào các vụ vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm bị khởi tố, giải quyết trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2019, trên phạm vi toàn quốc.

1.4. Phương pháp tiến hành hoạt động đánh giá

a. Thu thập số liệu:

Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin, VKSNDTC là đầu mối trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu do Viện kiểm sát nhân dân địa phương phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thu thập và cung cấp.

Số liệu được thu thập từ dữ liệu tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và hồ sơ các vụ vi phạm hình sự liên quan đến ĐVHD trên toàn quốc. Các vụ vi phạm xử lý hình sự được thu thập bao gồm các trường hợp bị khởi tố, giải quyết trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2019, những trường hợp bị phát hiện bắt giữ trong khoảng thời gian này nhưng sau ngày 31/12/2019 mới khởi tố thì không được thu thập. Đối với những trường hợp đã bị khởi tố hoặc truy tố trước ngày 01/01/2018 nhưng đến sau ngày 01/01/2018 mới truy tố, xét xử thì vẫn được thu thập.

Thông tin chi tiết thu thập được mô tả trong Mẫu phiếu Thống kê xử lý vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm (Phụ lục 1)

b. Xác minh số liệu:

Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin, VKSNDTC đã thực hiện khảo sát thực tế tại một số địa phương, bao gồm: Bình Phước, Hà Nội, Ninh Bình và Thành phố Hồ Chí Minh. Thông qua làm việc với Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan tư pháp địa phương, hoạt động khảo sát nhằm xác minh và bổ sung số liệu đã thu thập được, đồng thời thu thập các thông tin có liên quan nhằm làm rõ các nhận định, đánh giá đưa ra trong báo cáo.

c. Tổng hợp, phân tích số liệu

Các số liệu thu thập được tổng hợp và phân tích theo các chỉ số dựa trên phương pháp được đề xuất bởi Liên minh phòng chống tội phạm về các loài động thực vật hoang dã toàn cầu (ICCWC), Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC), các tổ chức và chuyên gia trong lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, số liệu về kết quả xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD giai đoạn 2018-2019 được so sánh với giai đoạn 2016-2017 để thấy được hiệu quả công tác đấu tranh, xử lý trước và sau khi Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực thi hành.

1.5. Hạn chế của hoạt động đánh giá

a. Tính toàn diện

- Báo cáo không bao gồm các vụ vi phạm bị xử lý hành chính, các vụ vi phạm đang trong quá trình điều tra hoặc chưa có kết quả xử lý cuối cùng, do đó chưa phản ánh tổng thể tình hình vi phạm và tội phạm liên quan đến ĐVHD tại Việt Nam trong giai đoạn 2018-2019.
- Có 13 địa phương báo cáo không có số liệu các vụ vi phạm và đối tượng vi phạm liên quan đến ĐVHD bị bắt giữ, khởi tố hình sự trong giai đoạn 2018-2019, gồm: Bắc Kạn, Hà Giang, Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Phú Yên, Quảng Ngãi, Bạc Liêu, Bến Tre, Đồng Tháp, Hậu Giang, Long An và Sóc Trăng. Tuy vậy, trên thực tế, qua theo dõi trên các nguồn thông tin đại chúng và nguồn mở khác ghi nhận có 19 vụ vi phạm được ghi nhận tại 07/13 địa phương nêu trên, cụ thể là Hải Phòng có 09 vụ, Bến Tre có 03 vụ, Bắc Kạn có 02 vụ, Quảng Ngãi có 02 vụ, Nam Định, Đồng Tháp và Hậu Giang mỗi tỉnh có 01 vụ. Điều đó cho thấy, mặc dù báo cáo không có số liệu nhưng không có nghĩa là trên thực tế không có vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD xảy ra tại các địa phương này trong giai đoạn báo cáo.

b. Tính nhất quán

- Về đơn vị: Để có thể phân tích chi tiết mức độ và tình hình các ĐVHD bị săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép, yêu cầu đặt ra là cần thu thập thông tin chi tiết về các loài ĐVHD, loại hình của ĐVHD (con sống, đông lạnh, da, thịt, xương, sừng, ngà, vảy, sản phẩm chế tác...), số lượng của từng loài (cá thể, khúc, sừng, mảnh, lông, đuôi...), khối lượng của từng loài theo loại hình (số kilogam, gam) bị bắt giữ. Để làm được điều này, mặc dù đơn vị đầu mối đã xây dựng phiếu thống kê và bản hướng dẫn chi tiết để các đơn vị địa phương thực hiện thống nhất về phương pháp thống kê số liệu. Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều loại hình của ĐVHD khó có thể thống nhất đơn vị, ví dụ: chi (chân) của ĐVHD gồm có cả da, xương, thịt thì thống kê là chi hay xương hay da; hoặc là đầu của ĐVHD gồm có cả da, sừng, thịt thì thống kê là sừng hay thịt hoặc da.
- Về cách thức kiểm kê: Các cơ quan chức năng có cách thức kiểm kê tang vật là ĐVHD trong các vụ vi phạm không thống nhất, có thể kiểm kê theo số lượng (cá thể, bộ phận, sản phẩm...) hoặc theo khối lượng ĐVHD và sản phẩm ĐVHD.

Sự không nhất quán này đã hạn chế việc phân tích sâu hơn về xu hướng, số lượng và khối lượng ĐVHD và sản phẩm ĐVHD bị săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép, thậm chí có thể làm sai lệch đánh giá, phân tích, từ đó làm giảm độ tin cậy và tính đầy đủ của báo cáo.

c. Tính đầy đủ

- Một số dữ liệu chưa được ghi nhận đầy đủ, cụ thể như các vụ bắt giữ có khai báo, ghi nhận nguồn gốc, điểm xuất phát và điểm đến rất hạn chế dẫn đến khó có thể rút ra kết

luận chính xác, toàn diện về tuyến đường, địa bàn trọng điểm. Một số vụ vi phạm bị đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra được ghi nhận với lý do “thay đổi về chính sách, pháp luật”, tuy nhiên không thể hiện rõ là chính sách, pháp luật cụ thể nào.

- Đây là một báo cáo mang tính định lượng và phân tích vấn đề dựa trên các con số cụ thể liên quan đến xử lý hình sự các vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD. Do không có thông tin thống kê định tính nên báo cáo không phân tích sâu về các nguyên nhân chính của các hiện tượng săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD; các khó khăn, vướng mắc trong áp dụng pháp luật và trong công tác phát hiện, xử lý của các cơ quan chức năng....để có thể đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác này.

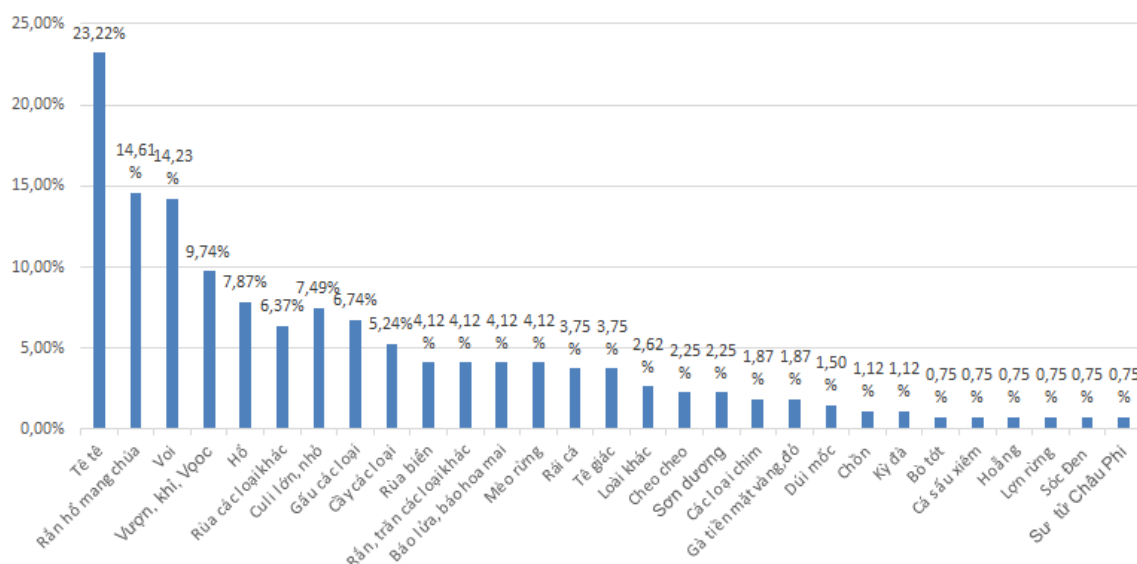
II. TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VỀ ĐVHD TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2018-2019

2.1. Mức độ tội phạm về ĐVHD

2.1.1. Số vụ vi phạm và số loài ĐVHD bị bắt giữ

Trong giai đoạn năm 2018-2019 các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đã phát hiện, bắt giữ, xử lý hình sự 267 vụ vi phạm với 334 đối tượng phạm tội các quy định pháp luật về bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Trong các vụ vi phạm trên, có hơn 40 loài ĐVHD (thuộc danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ và danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ) bị săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép. Trong đó, số vụ vi phạm liên quan đến tê tê chiếm tỷ lệ lớn nhất là 23,22% (62/267 vụ vi phạm), sau đó là rắn hổ mang chúa có tỷ lệ là 14,61% (39/267 vụ vi phạm), voi có tỷ lệ là 14,23% (38/267 vụ vi phạm), hổ là 7,87 % (22/267 vụ vi phạm), culi lớn và culi nhỏ là 7,49% (20/267 vụ vi phạm). Số vụ vi phạm liên quan đến tê giác và sư tử châu Phi chiếm tỉ lệ nhỏ so với tổng số vụ vi phạm khởi tố hình sự, chiếm tỷ lệ lần lượt là 3,75% (10/267 vụ vi phạm) và 0,75% (2/267 vụ vi phạm) (Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1. Tỷ lệ số vụ vi phạm bị khởi tố hình sự theo loài ĐVHD

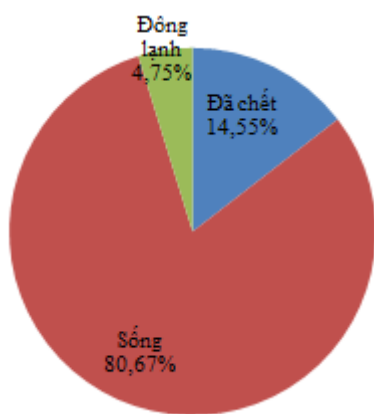
2.1.2. Loại hình của ĐVHD bị bắt giữ

Các loài ĐVHD bị phát hiện, bắt giữ trong các vụ vi phạm tồn tại ở dạng cá thể (sống, chết, đông lạnh) với đơn vị tính là cá thể hoặc kg; bộ phận cơ thể (bộ xương, bộ da...) với đơn vị tính là bộ/chiếc/tấm... hoặc kg và sản phẩm của ĐVHD (sừng, ngà, vảy, thịt, da, xương,

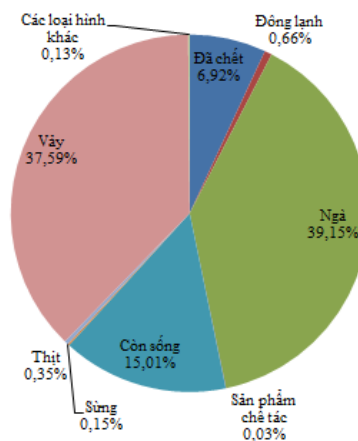
móng, răng nanh túi mật, bộ phận sinh dục, sản phẩm chế tác...) với đơn vị tính là cái/chiếc/tấm... hoặc kg.

Trong 267 vụ vi phạm xử lý hình sự liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn 2018-2019 có tổng số 2.069 cá thể và 39.371 kg ĐVHD. Trong đó:

- Về số lượng cá thể, trong tổng số 2.069 cá thể ĐVHD bị các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ, có 80,67% (1.669/2.069 cá thể) còn sống, 14,55% (301/2.069 cá thể) đã chết, còn lại 4,78% (99/2.069 cá thể) đông lạnh (Biểu đồ 2).
- Về khối lượng, trong tổng số 39.371 kg ĐVHD bị các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ thì ngà voi chiếm tỷ lệ cao nhất là 39,15% (15.415,53/39.371 kg), tiếp đến là vây tê tê 37,59% (14.800,6/39.371 kg), ĐVHD còn sống chiếm tỷ lệ cao thứ ba là 15,01% (5.909,58/39.372 kg), ngoài ra còn có khối lượng ĐVHD đã chết, đông lạnh, thịt, sừng, sản phẩm chế tác và các loại hình khác chiếm tỷ lệ nhỏ (Biểu đồ 3).



Biểu đồ 2. Tỷ lệ các loại hình ĐVHD bị bắt giữ theo số lượng cá thể



Biểu đồ 3. Tỷ lệ các loại hình ĐVHD bị bắt giữ theo khối lượng

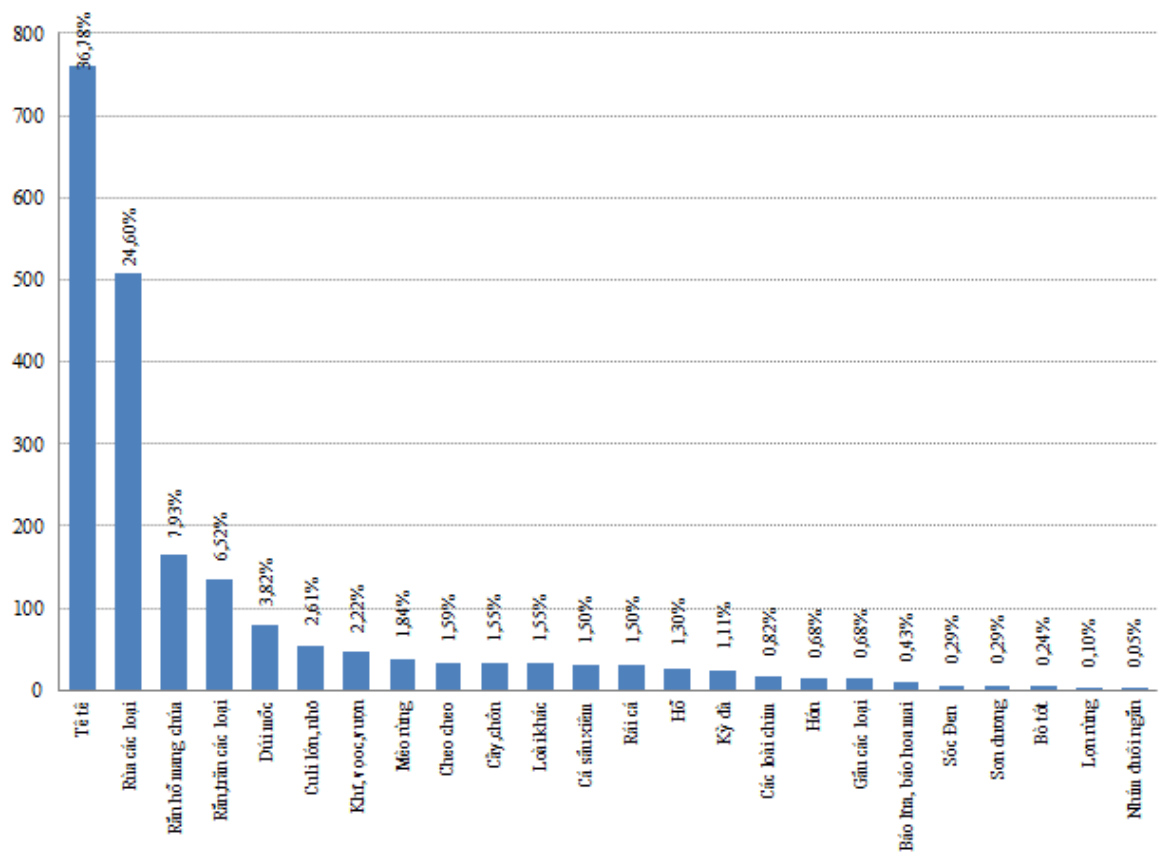
2.1.3. Số lượng và khối lượng ĐVHD bị bắt giữ

Số liệu thu thập được cho thấy đơn vị dùng để kiểm kê ĐVHD trong các vụ vi phạm là khác nhau theo các hành vi vi phạm, có thể theo số lượng hoặc khối lượng cá thể, bộ phận cơ thể và sản phẩm ĐVHD bị bắt giữ. Do đó, khi phân tích chỉ số này cần kết hợp cả hai loại đơn vị nêu trên để đánh giá mức độ nghiêm trọng của hoạt động săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép các loài ĐVHD, cũng như xác định mức độ ảnh hưởng của các hoạt động này đối với sự tồn tại của các loài ĐVHD.

2.1.3.1. Số lượng ĐVHD bị bắt giữ

Trong hơn 40 loài bị săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép trong các vụ vi phạm, số liệu thống kê số lượng cá thể, bộ phận cơ thể và sản phẩm ĐVHD cho thấy ngà voi và sản phẩm từ voi chiếm tỷ lệ cao nhất với 44,2% (2.356/5.330), tiếp theo lần lượt là tê tê với 14,28% (761/5.330), rùa là 13,11% (699/5.330) trong đó rùa biển là 4,62% (246/5.330), các loài rùa khác là 8,5% (453/5.330)..., thấp nhất là ba ba chỉ chiếm 0,02% (1/5.330) trên tổng số lượng (cá thể, bộ phận cơ thể và sản phẩm ĐVHD) bị bắt giữ, xử lý về hình sự.

Nếu xét riêng về số lượng cá thể (sống, chết và đông lạnh) lại cho thấy tê tê chiếm hơn 1/3 tổng số cá thể ĐVHD bị bắt giữ trong các vụ vi phạm xử lý hình sự với 36,78 % (761/2.069 cá thể), tiếp đến lần lượt là các loài rùa chiếm tỷ lệ là 21,89% (453/2.069 cá thể), rắn hổ mang chúa chiếm tỷ lệ là 7.93% (164/2.069 cá thể), thấp nhất là nhím đuôi ngắn chỉ chiếm 0,05% (1/2.069 cá thể), các loài rắn khác chiếm tỷ lệ 6,48% (134/2.069 cá thể)...., thấp nhất là ba ba, chim hồng hoàng, nhím đuôi ngắn và trăn hoa chỉ chiếm tỷ lệ 0,05% (1/2.069 cá thể) - (Biểu đồ 4).



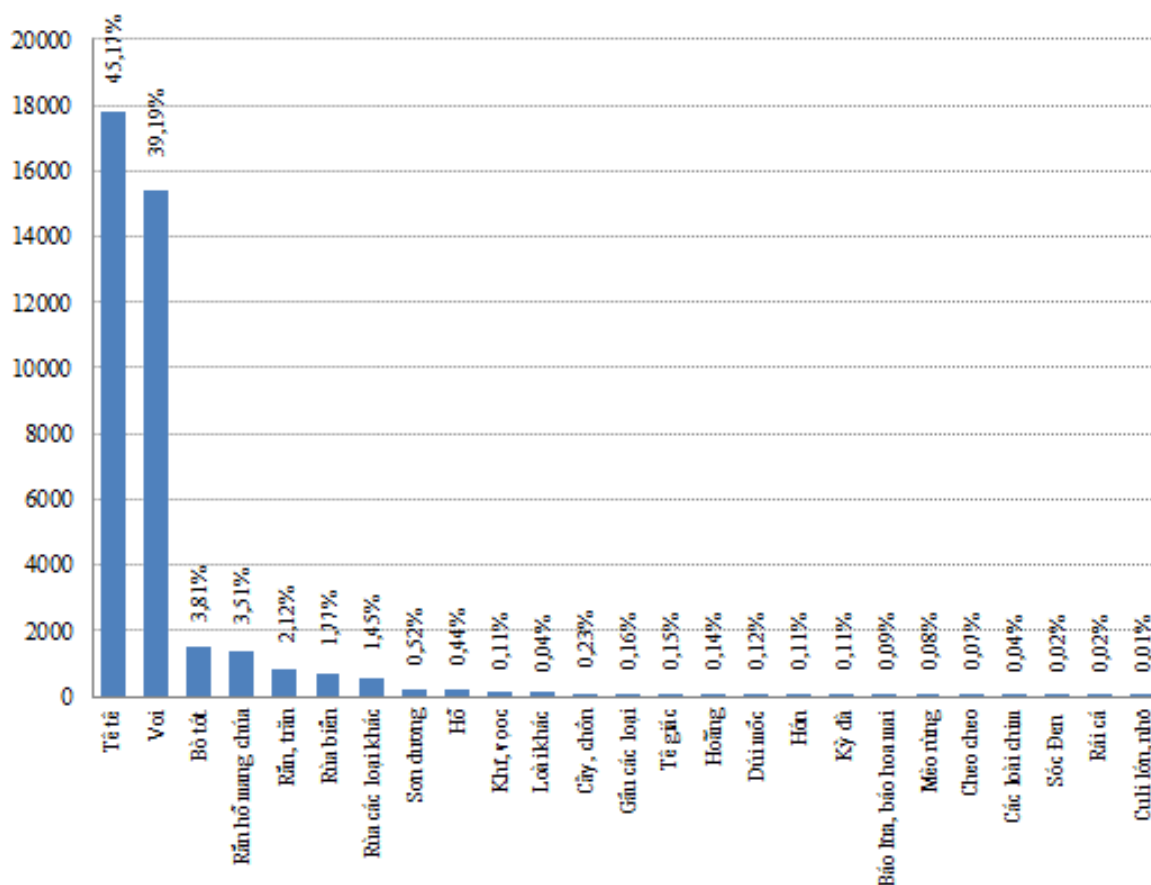
Biểu đồ 4. Tỷ lệ các loài ĐVHD bị bắt giữ theo cá thể

2.1.3.2. Khối lượng ĐVHD bị bắt giữ

Theo số liệu thống kê, giai đoạn 2018-2019, tổng khối lượng cá thể, bộ phận cơ thể và sản phẩm ĐVHD do các cơ quan thực thi pháp luật phát hiện, bắt giữ trong 267 vụ vi phạm xử lý hình sự là gần 40 tấn (39.371,149 kg).

Trong số này, tê tê là loài có khối lượng bắt giữ lớn nhất, chiếm tỷ lệ là 45,17% (17.786/39.371 kg), tiếp đến là voi với 39,19% (15.429/39.371 kg) và bò tót 3,81% (1.501/39.371 kg) - (Biểu đồ 5).

Lưu ý rằng, các con số nêu trên chưa phản ánh đầy đủ thực tế về tổng khối lượng và số lượng theo từng loài ĐVHD bị bắt giữ do một số vụ vi phạm chỉ kiểm đếm và ghi nhận theo số lượng (cá thể, bộ phận cơ thể, sản phẩm ĐVHD) để truy cứu trách nhiệm hình sự.

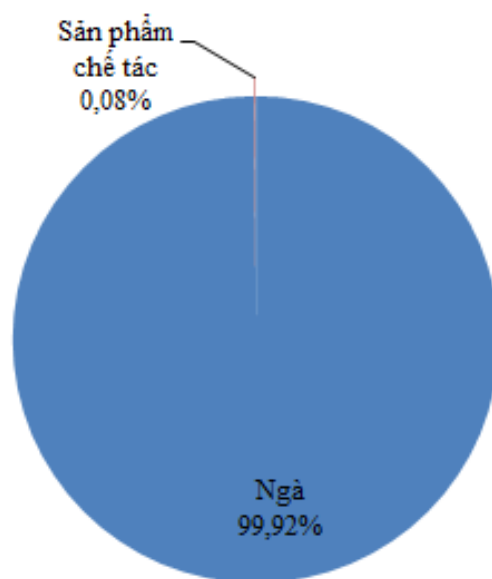


Biểu đồ 5. Khối lượng ĐVHD bị bắt giữ theo loài

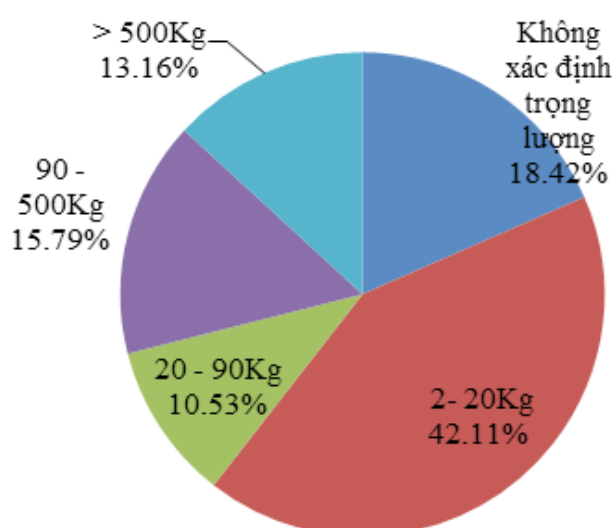
2.1.5. Vi phạm liên quan đến loài voi

Trong giai đoạn 2018-2019, các cơ quan thực thi pháp luật đã bắt giữ, xử lý 38 vụ vi phạm liên quan đến loài voi, ở dạng ngà voi thô và sản phẩm chế tác từ ngà voi; lông đuôi voi và xương. Tổng khối lượng sản phẩm từ voi bắt giữ là 15.428,721 kg, chiếm tỷ lệ cao thứ hai (39,19%) so với tổng khối lượng ĐVHD bắt giữ trong giai đoạn này (Biểu đồ 3). Trong đó, ngà voi thô chiếm 99,92% (15.415,5/15.428,721 kg), còn lại là sản phẩm chế tác từ ngà voi (nhẫn, vòng tay). Mặc dù có số lượng bắt giữ tương đối nhiều nhưng các sản phẩm chế tác từ ngà voi là các sản phẩm trang sức có khối lượng nhỏ nên tổng khối lượng chỉ chiếm 0,08% (13,2/15.428,721 kg) (CITES, 2014) - (Biểu đồ 6).

Về mức độ, trong tổng số 38 vụ vi phạm liên quan đến loài voi thì có 18,42% số vụ không xác định khối lượng, còn lại số vụ vi phạm liên quan đến ngà voi hoặc sản phẩm từ ngà voi có khối lượng từ 2kg đến dưới 20kg chiếm tỷ lệ cao nhất, với 42,11% (16/38 vụ vi phạm), tiếp đến là mức từ 90kg đến dưới 500kg chiếm tỷ lệ là 15,79% (6/38 vụ vi phạm), chiếm tỷ lệ cao thứ ba là mức từ 500kg trở lên, với 13,16% (5/38 vụ vi phạm) và thấp nhất là mức từ 20kg đến dưới 90kg chiếm tỷ lệ là 10,53% (4/38 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 7).



Biểu đồ 6. Tỷ lệ các loại hình sản phẩm của voi bị bắt giữ xét theo khối lượng



Biểu đồ 7. Mức độ vi phạm liên quan đến ngà voi xét theo khối lượng

Về địa phương bắt giữ, xử lý, tổng số 38 vụ vi phạm liên quan đến loài voi xảy ra tại 12 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Xét theo số vụ vi phạm: Hà Nội (16 vụ vi phạm), TP. Hồ Chí Minh (5 vụ vi phạm), Bình Dương (4 vụ vi phạm), Đắk Lắk, Cao Bằng, Nghệ An, Đà Nẵng có số vụ vi phạm bằng nhau (2 vụ vi phạm), Tây Ninh, Bình Phước, Bình Định, Điện Biên, Quảng Bình có số vụ vi phạm bằng nhau (1 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 8).
- Xét theo khối lượng ngà voi hoặc sản phẩm liên quan voi bị bắt giữ: Đà Nẵng (10.927,7 kg), Hà Nội (2.314,773 kg), TP. Hồ Chí Minh (1.920,12 kg), Bình Phước (184,9 kg), Cao Bằng (51 kg), Đắk Lắk (18,295 kg)... và thấp nhất là Bình Định (0,147kg) - (Biểu đồ 8).



Biểu đồ 8. Vi phạm liên quan đến loài voi theo địa phương

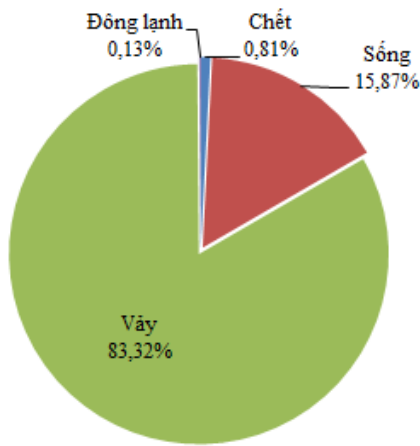
2.1.6. Vi phạm liên quan đến loài tê tê

Trong giai đoạn 2018-2019, các cơ quan chức năng đã bắt giữ, xử lý 62 vụ vi phạm liên quan đến tê tê, ở dạng cá thể (sống, chết và đông lạnh) và vảy. Tổng số lượng tê tê bị bắt giữ là 761 cá thể, tổng khối lượng ghi nhận được là 17.786 kg¹ (cá thể và vảy tê tê).

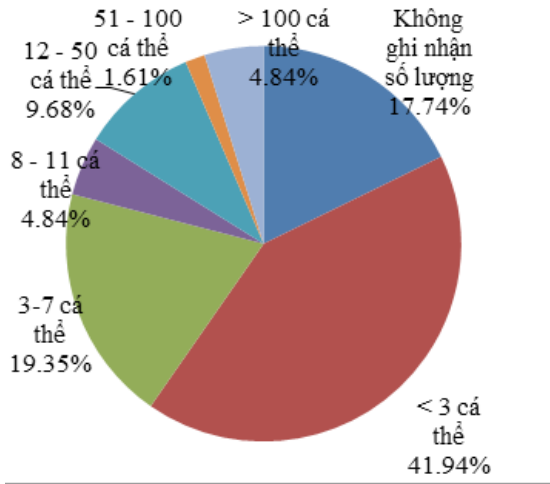
Xét theo khối lượng bắt giữ, tê tê là loài chiếm tỷ lệ cao nhất so với tổng khối lượng các loài ĐVHD bị bắt giữ trong các vụ vi phạm xử lý hình sự trong giai đoạn này, với 45,17% (17.786/39.371 kg) - (Biểu đồ 5). Trong đó, khối lượng vảy tê tê chiếm tỷ lệ cao nhất là 83,22% (14.801/17.786 kg), tiếp đến là khối lượng tê tê sống chiếm tỷ lệ là 15,85% (2.819/17.786 kg), còn lại là tê tê chết (143 kg) và đông lạnh (22,7 kg) chỉ chiếm 0,93%. - (Biểu đồ 9).

Xét theo số lượng bắt giữ, đa số là các cá thể tê tê sống, chiếm tỷ lệ là 90,01% (685/761 cá thể), còn lại là các cá thể tê tê chết chiếm tỷ lệ là 8,54% (65/761 cá thể) và đông lạnh chiếm tỷ lệ là 1,45% (11/761 cá thể)

Trong tổng số 62 vụ vi phạm liên quan đến tê tê có 11 vụ không ghi nhận số lượng cá thể và 51 vụ vi phạm có ghi nhận số lượng cá thể. Trong đó, số vụ vi phạm dưới 3 cá thể chiếm tỷ lệ cao nhất là 41,94% (26/62 vụ vi phạm), tiếp đến là từ 3 cá thể đến dưới 7 cá thể chiếm tỷ lệ là 19,35% (12/62 vụ vi phạm), từ 12 đến dưới 50 cá thể chiếm tỷ lệ là 9,68% (6/62 vụ vi phạm), số vụ vi phạm từ 8 cá thể đến dưới 11 cá thể và từ trên 100 cá thể đều chiếm tỷ lệ là 4,84% (3/62 vụ vi phạm), và chiếm tỷ lệ thấp nhất là các vụ vi phạm có từ 51 đến dưới 100 cá thể, chỉ chiếm tỷ lệ là 1,61% (1/62 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 10).



Biểu đồ 9. Tỷ lệ các loại hình tê tê bị bắt giữ tính theo khối lượng



Biểu đồ 10. Mức độ các vụ vi phạm liên quan đến tê tê tính theo số lượng cá thể

Về địa phương bắt giữ, xử lý, tổng số 62 vụ vi phạm liên quan đến tê tê xảy ra tại 24 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm:

- Xét theo số vụ vi phạm: Quảng Ninh (7 vụ vi phạm), Quảng Nam (6 vụ vi phạm), TP. Hồ Chí Minh (5 vụ vi phạm), Đồng Nai, Lạng Sơn, Ninh Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh

1 Tổng khối lượng cá thể và vảy tê tê bị bắt giữ chưa phản ánh đầy đủ khối lượng thực tế do có 17 vụ vi phạm không ghi nhận khối lượng cá thể mà chỉ ghi nhận số lượng cá thể tê tê.

có số vụ vi phạm bằng nhau (3 vụ vi phạm), Quảng Trị, Bình Phước, Hưng Yên, Kon Tum, Lâm Đồng có số vụ vi phạm bằng nhau (2 vụ vi phạm), Đắk Lắk, Lai Châu, Tuyên Quang, Tây Ninh, Cao Bằng, Gia Lai, Bắc Giang, Cà Mau, Đà Nẵng, Bình Dương, Hà Nam có số vụ vi phạm bằng nhau (1 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 11).

- Xét theo khối lượng tê tê và sản phẩm tê tê bắt giữ: TP. Hồ Chí Minh (7.351,2 kg), Đà Nẵng (6.334,2 kg), Quảng Ninh (1.178,68 kg), Cà Mau (1.065 kg), Hưng Yên (669 kg), Thanh Hóa (446,1 kg)... và thấp nhất là Đắk Lắk (3,5 kg) - (Biểu đồ 11).

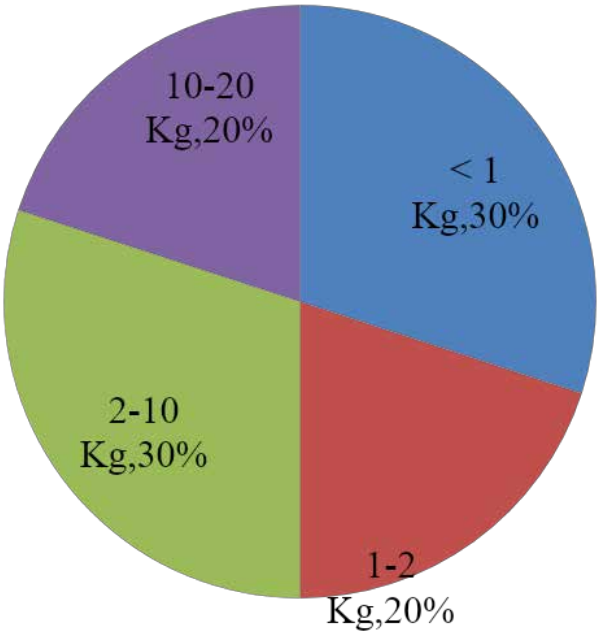


Biểu đồ 11. Vi phạm liên quan đến tê tê theo địa phương

2.1.7. Vi phạm liên quan đến loài tê giác

Trong giai đoạn 2018-2019, các cơ quan chức năng đã bắt giữ, xử lý 10 vụ vi phạm liên quan đến tê giác, tang vật bắt giữ ở dạng sừng với tổng số lượng là 27 khúc/miếng (mẫu), nặng 60,26 kg, chiếm 0,15% trong tổng khối lượng ĐVHD bị bắt giữ.

Trong tổng số 10 vụ vi phạm liên quan đến tê giác thì số vụ vi phạm có khối lượng sừng tê giác bị bắt giữ dưới 1 kg và từ 2 kg đến dưới 10 kg đều chiếm tỷ lệ là 30% (3/10 vụ vi phạm), tiếp đến là từ 1 kg đến dưới 2 kg và từ 10 kg đến dưới 20 kg đều chiếm tỷ lệ là 20% (2/10 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 12).



Biểu đồ 12. Mức độ vi phạm liên quan đến tê giác theo khối lượng

Về địa phương bắt giữ, xử lý, tổng số 10 vụ vi phạm liên quan đến tê giác xảy ra tại 05 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm:

- Xét theo số vụ vi phạm: Hà Nội (5 vụ vi phạm), Quảng Ninh (2 vụ vi phạm), Lạng Sơn, TP. Hồ Chí Minh, Lào Cai có số vụ vi phạm bằng nhau (1 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 13).
- Xét theo khối lượng sừng tê giác bị bắt giữ: Lào Cai (20,05 kg), Hà Nội (18,215 kg), Quảng Ninh (13,9 kg), TP. Hồ Chí Minh (7,26 kg) và thấp nhất là Ninh Bình (0,83 kg) - (Biểu đồ 13).

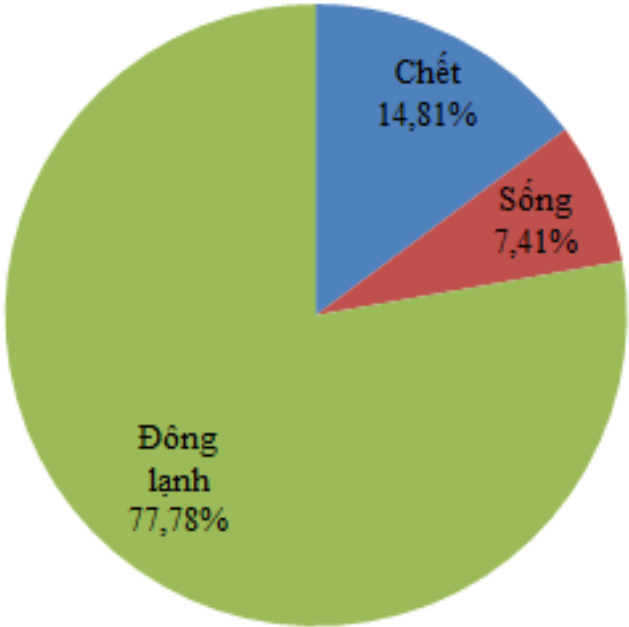


Biểu đồ 13. Vi phạm liên quan đến tê giác theo địa phương

2.1.8. Vi phạm liên quan đến loài hổ và các loài mèo lớn

Trong giai đoạn 2018-2019, các cơ quan thực thi pháp luật đã bắt giữ 21 vụ vi phạm liên quan đến loài hổ, ở dạng cá thể (sống và chết), bộ phận cơ thể và sản phẩm như chi, bộ da, móng, xương, sản phẩm chế tác từ hổ với số lượng chiếm 4,07% (217/5.330) trong tổng số lượng ĐVHD bị bắt giữ và khối lượng chiếm tỷ lệ là 0,44% (172,8/39.371 kg) trong tổng khối lượng ĐVHD bị bắt giữ.

Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), việc xử lý hình sự chủ yếu căn cứ vào số lượng cá thể ĐVHD nói chung và số lượng cá thể hổ nói riêng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, cần phân tích sâu hơn về số lượng cá thể hổ trong các vụ vi phạm. Trong tổng số 21 vụ vi phạm liên quan đến hổ, các cơ quan chức năng đã bắt giữ tổng số 27 cá thể hổ, trong đó số cá thể đông lạnh chiếm tỷ lệ cao nhất là 77,78% (21/27 cá thể), tiếp theo là hổ đã chết chiếm 14,81% (4/27 cá thể) và hổ sống chiếm 7,41% (2/27 cá thể) - (Biểu đồ 14).



Biểu đồ 14. Tỷ lệ các dạng cá thể hổ bị bắt giữ

Về địa phương bắt giữ, xử lý, tổng số 21 vụ vi phạm liên quan đến hổ xảy ra tại 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm:

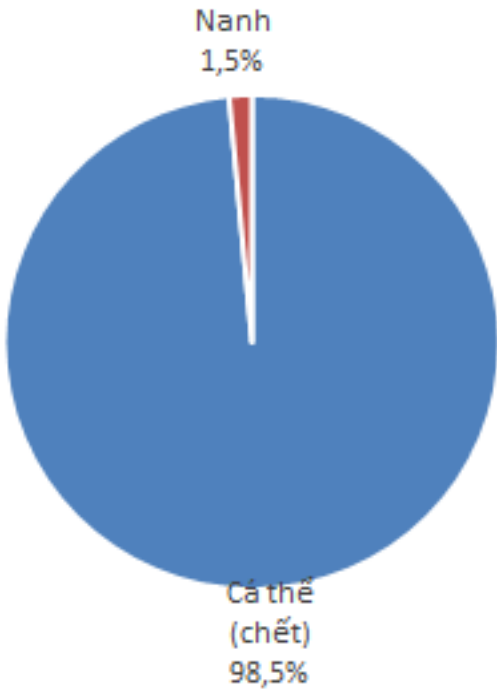
- Xét theo số vụ vi phạm: Bình Dương (7 vụ vi phạm), Hà Nội (4 vụ vi phạm), Quảng Ninh (3 vụ vi phạm) và Bắc Ninh, Bình Định, Cần Thơ, Hà Nam, Nghệ An, Ninh Bình, Thái Nguyên có số vụ vi phạm bằng nhau (1 vụ vi phạm).
- Xét theo khối lượng hổ và sản phẩm từ hổ bị bắt giữ: Quảng Ninh (164 kg), Hà Nội (5 kg), Bắc Ninh (1,9 kg) và thấp nhất là Nghệ An (1,62 kg) - (Biểu đồ 15).



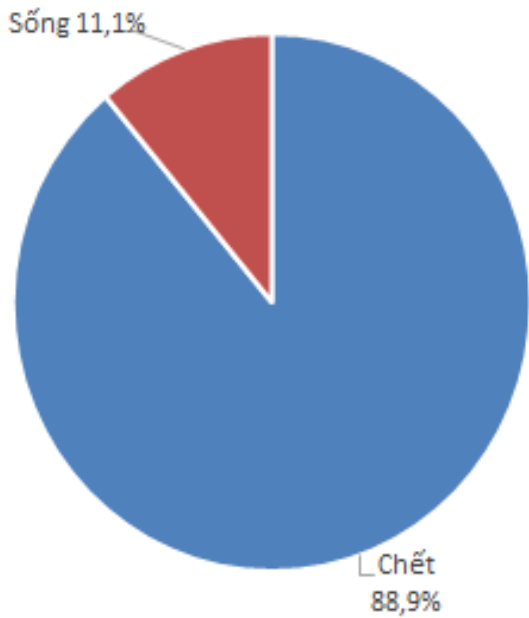
Biểu đồ 15. Vi phạm liên quan đến hổ theo địa phương

Trong giai đoạn này, các cơ quan thực thi pháp luật cũng bắt giữ, xử lý 13 vụ vi phạm liên quan đến các loại mèo lớn khác, bao gồm 11 vụ vi phạm liên quan đến báo lửa, báo hoa mai và 2 vụ vi phạm liên quan đến sư tử. Trong đó, bắt giữ 09 cá thể báo lửa, báo hoa mai (08 cá thể chết, chiếm tỷ lệ là 88,9%; 01 cá thể sống, chiếm tỷ lệ là 11,1%) và sản phẩm từ báo lửa, báo hoa mai với tổng khối lượng 37,25 kg - (Biểu đồ 17), chiếm 0,43% (9/2.069 cá thể) và 0,09% (37,25/39.371 kg) so với tổng số lượng cá thể và khối lượng ĐVHD bị bắt giữ (Biểu đồ 4); bắt giữ các sản phẩm của sư tử như móng, vuốt với khối lượng là 0,06 kg.

Về địa điểm bắt giữ, Điện Biên, Nghệ An, Sơn La và TP. Hồ Chí Minh là các địa phương có ghi nhận các vụ vi phạm liên quan đến báo lửa, báo hoa mai, sư tử. Trong đó, Sơn La là địa phương bắt giữ nhiều nhất về số lượng (19,2 kg), tiếp đến là Điện Biên (10,5 kg), Nghệ An (7 kg) và thấp nhất là TP. Hồ Chí Minh (0,55 kg). Đối với sư tử, có 01 địa phương ghi nhận vi phạm liên quan đến loài này là TP. Hồ Chí Minh (0,06kg).



Biểu đồ 16. Tỷ lệ các dạng cá thể và sản phẩm báo lửa, báo hoa mai bị bắt giữ xét theo khối lượng



Biểu đồ 17. Tỷ lệ các dạng cá thể báo lửa, báo hoa mai bị bắt giữ xét theo số lượng cá thể

2.2. Điểm xuất phát, điểm đến và nguồn gốc của ĐVHD trong các vụ vi phạm

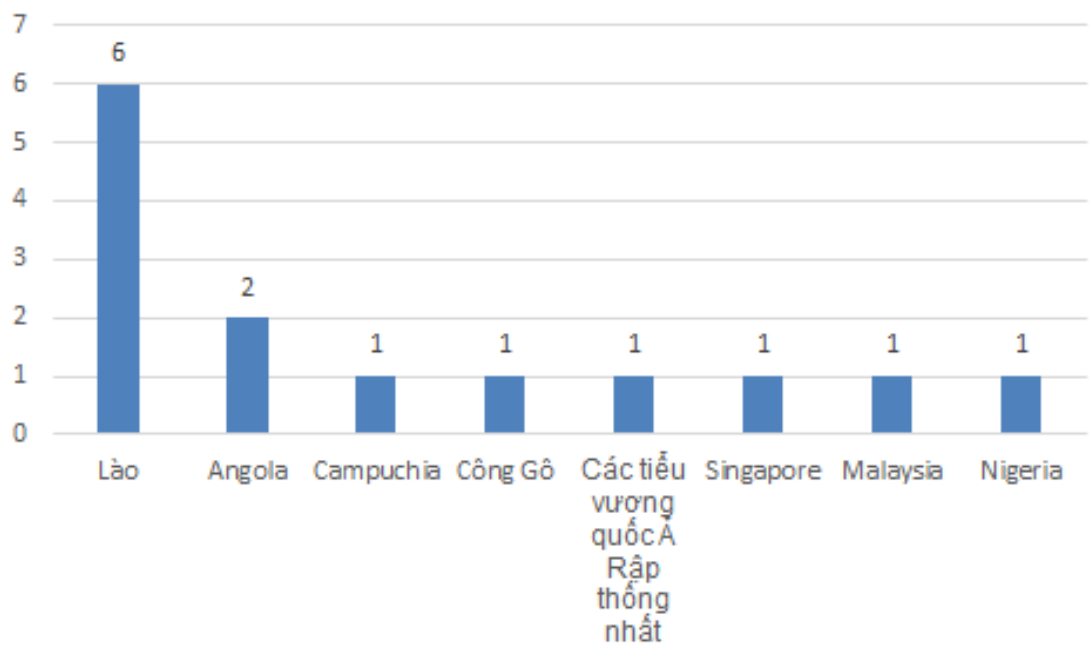
Việt Nam được xác định có 3 vai trò trong chuỗi cung ứng ĐVHD, bao gồm vai trò cung cấp, trung chuyển và tiêu thụ ĐVHD. Do đó, việc thống kê, phân tích thông tin về điểm xuất phát, điểm đến và nguồn gốc của ĐVHD trong các vụ vi phạm sẽ giúp làm rõ các vai trò nêu trên, đồng thời có ý nghĩa trong việc xác định địa bàn trọng điểm, tuyến đường của tội phạm về ĐVHD. Dữ liệu dùng để phân tích dựa vào lời khai của đối tượng vi phạm được ghi nhận trong hồ sơ các vụ vi phạm. Tuy nhiên, dữ liệu này không được ghi nhận một cách đầy đủ, rõ ràng, đồng nhất, có thể do các đối tượng vi phạm không khai báo, hoặc khai báo không cụ thể hoặc không chính xác nên phần phân tích dưới đây chỉ phản ánh phần nào thực tế về điểm xuất phát, điểm đến và nguồn gốc của ĐVHD.

2.2.1. Vận chuyển và buôn bán ĐVHD xuyên biên giới

Dữ liệu thu thập được cho thấy 94,76% (253/267 vụ vi phạm) và 95,51% (319/334 đối tượng) liên quan đến ĐVHD có điểm xuất phát trong nội địa Việt Nam, còn lại 5,24% (14/267 vụ vi phạm) và 4,49% (15/334 đối tượng) có điểm xuất phát từ nước ngoài.

Về điểm xuất phát từ nước ngoài trước khi đến Việt Nam, trong 14 vụ vi phạm có ghi nhận thông tin, Lào được ghi nhận là điểm xuất phát với tỷ lệ lớn nhất là 42,86% (6/14 vụ vi phạm), tiếp đến là từ Angola chiếm tỷ lệ là 14,29% (2/14 vụ vi phạm), còn lại là từ Campuchia, Công Gô, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), Nigeria, Singapore và Malaysia mỗi nước 1 vụ vi phạm (Biểu đồ 20).

Về loài bị bắt giữ theo các điểm xuất phát từ nước ngoài, qua phân tích cho thấy tê tê (dạng cá thể) và rùa (rùa cạn, rùa nước ngọt) là các loài phổ biến ghi nhận trong các vụ bắt giữ xuất phát từ Lào. Trong khi đó, các sản phẩm từ voi, tê giác, tê tê (dạng vầy), báo, sư tử có điểm xuất phát từ các nước châu Phi và châu Á khác, bao gồm: Angola chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng số vụ vi phạm có ghi nhận từ châu Phi, với 40% (2/5 vụ vi phạm), còn lại là Công Gô và Nigeria mỗi nước 1 vụ vi phạm. Điều này phù hợp với thực tế là ngà voi, sừng tê giác, vầy tê tê được buôn bán vào Việt Nam có nguồn gốc từ châu Phi.



Biểu đồ 20. Số vụ vi phạm có điểm xuất phát từ nước ngoài

Về điểm đến ngoài Việt Nam, dữ liệu cho thấy có 1,5% (4/267 vụ vi phạm) và 1,8% (6/334 đối tượng) ghi nhận điểm đến cuối cùng ngoài lãnh thổ Việt Nam và đều là Trung Quốc. Các vụ vi phạm này liên quan đến tê tê và tê giác xảy ra tại Cao Bằng và Lào Cai.

2.2.2. Vận chuyển và buôn bán ĐVHD trong nước

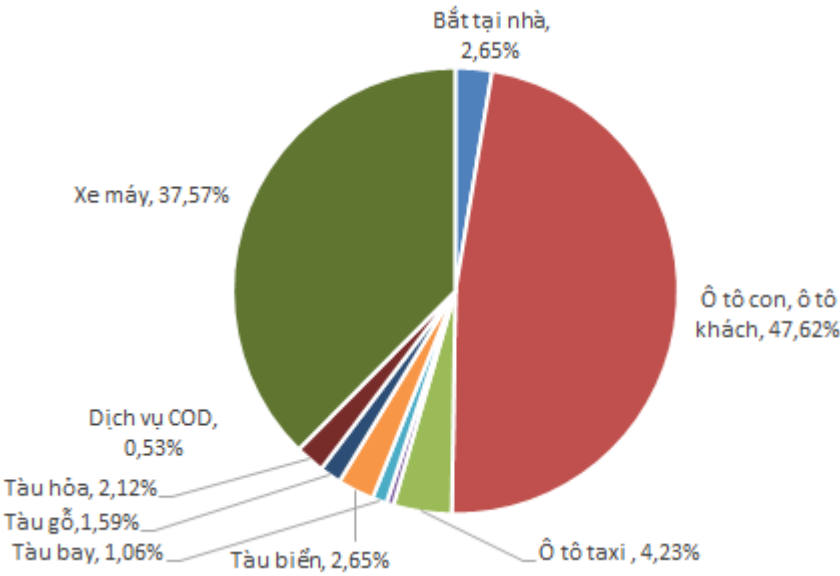
Phân tích dữ liệu thu thập được cho thấy các địa phương được xác định là điểm xuất phát gồm: Hà Nội (83 vụ vi phạm), Quảng Ninh (16 vụ vi phạm) ở miền Bắc; Nghệ An (14 vụ

vi phạm), Quảng Nam (10 vụ vi phạm) ở miền Trung và TP. Hồ Chí Minh (17 vụ vi phạm), Đồng Nai (13 vụ vi phạm), Bình Dương (9 vụ vi phạm) ở miền Nam.

Các địa phương được xác định là điểm đến gồm: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Nghệ An, Đồng Nai.

2.2.3. Phương tiện sử dụng để vận chuyển ĐVHD

Trong tổng số 267 vụ vi phạm/334 đối tượng bị các cơ quan thực thi pháp luật phát hiện, bắt giữ, có 56,58% (189/334 đối tượng) ghi nhận có sử dụng các phương tiện vận chuyển trái phép ĐVHD. Trong đó, số vụ vi phạm ghi nhận vận chuyển trái phép ĐVHD bằng ô tô (ô tô con, ô tô khách) chiếm tỷ lệ cao nhất là 47,62% (90/189 đối tượng), tiếp đến là xe máy 37,57% (71/189 đối tượng), còn lại các đối tượng vận chuyển bằng xe taxi, tàu biển, tàu bay, tàu hỏa, dịch vụ giao nhận hàng (dịch vụ COD) chiếm tỷ lệ nhỏ với tổng là 9,19% (28/189 đối tượng) - (Biểu đồ 21).



Biểu đồ 21. Tỷ lệ các đối tượng có sử dụng phương tiện vận chuyển trái phép ĐVHD

2.3. Tổng quan về đối tượng phạm tội

2.3.1. Đối tượng phạm tội theo chủ thể

Trong giai đoạn năm 2018-2019, các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ, xử lý 267 vụ vi phạm/334 đối tượng. Qua tổng hợp, phân tích xác định được:

- Tỷ lệ số vụ vi phạm chưa xác định được người thực hiện hành vi phạm tội chiếm 7,9% (21/267 vụ vi phạm).
- Tỷ lệ số vụ vi phạm và tỷ lệ số đối tượng thực hiện hành vi phạm tội là pháp nhân thương mại chiếm tỷ lệ lần lượt là 1,87% (5/267 vụ vi phạm) và 1,5% (5/334 đối tượng).
- Tỷ lệ số vụ vi phạm và tỷ lệ số đối tượng thực hiện hành vi phạm tội là cá nhân chiếm tỷ lệ lần lượt là 98,13% (262/267 vụ vi phạm) và 98,5% (329/334 đối tượng).

- Tỷ lệ số vụ vi phạm và tỷ lệ số đối tượng thực hiện hành vi phạm tội là pháp nhân thương mại và cá nhân là người Việt Nam chiếm tỷ lệ lần lượt là 99,25% (265/267 vụ vi phạm) và 99,4% (332/334 đối tượng); còn lại tỷ lệ nhỏ 0,75% (2/267 vụ vi phạm) và 0,6% (2/334 đối tượng) là người nước ngoài (Trung Quốc và Nam Phi).

2.3.2. Nơi cư trú của đối tượng phạm tội

Dữ liệu thu thập được cho thấy nơi cư trú của đối tượng phạm tội phân bố tại nhiều địa phương trên cả nước, tập trung nhiều ở các thành phố lớn, các địa bàn biên giới, trong đó phân bố ở các tỉnh miền Bắc chiếm tỷ lệ lớn. Các địa phương được ghi nhận là nơi cư trú của các đối tượng phạm tội với số lượng lớn như Hà Nội (109 đối tượng), Quảng Ninh (33 đối tượng), Nghệ An (21 đối tượng), TP. Hồ Chí Minh (18 đối tượng), Đồng Nai (17 đối tượng), Ninh Bình (12 đối tượng), Bình Dương (12 đối tượng), Quảng Nam (11 đối tượng), Quảng Bình (10 đối tượng), Hà Tĩnh (10 đối tượng) - (Biểu đồ 22).



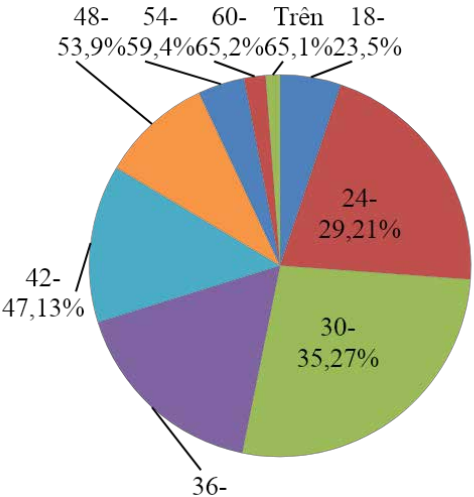
Biểu đồ 22. Nơi cư trú của các đối tượng phạm tội theo địa phương

2.3.3. Giới tính của đối tượng phạm tội

Trong tổng số 329 đối tượng bị bắt giữ, xử lý do vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD trong giai đoạn 2018-2019, Nam giới chiếm đa số so với Nữ giới, tỷ lệ lần lượt là 87,54% (288/329 đối tượng) và 12,54% (41/329 đối tượng).

2.3.4. Độ tuổi của đối tượng phạm tội

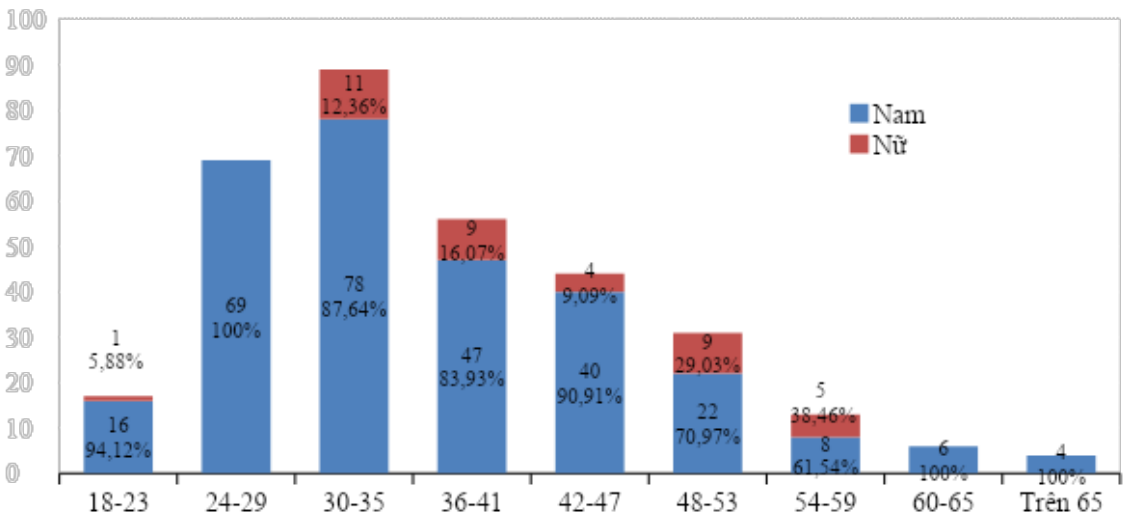
Độ tuổi của các đối tượng phạm tội liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn 2018-2019 phần lớn cũng tuân theo đường cong truyền thống của lực lượng lao động trong dân số. Theo đó, tỷ lệ lớn nhất là độ tuổi từ 30 đến 35 tuổi, chiếm 27,05% (89/329 đối tượng), tiếp đến là độ tuổi từ 24 đến 29 tuổi, chiếm 20,97% (68/329 đối tượng), độ tuổi từ 36 đến 41 tuổi chiếm 17,02% (56/329 đối tượng) và thấp nhất là độ tuổi trên 65 tuổi với 1,22% (4/329 đối tượng) (Biểu đồ 23). Không có đối tượng phạm tội dưới 18 tuổi bị xử lý hình sự.



Biểu đồ 23. Phân bố độ tuổi của đối tượng phạm tội liên quan đến ĐVHD

Đáng chú ý, so sánh với cơ cấu độ tuổi của giai đoạn 2013-2017 cho thấy có sự trẻ hóa của đối tượng phạm tội. Cụ thể, số đối tượng trong độ tuổi từ 24 đến 29 tuổi tăng 5,16% (từ 15,81% lên 20,97%) trong giai đoạn 2018-2019.

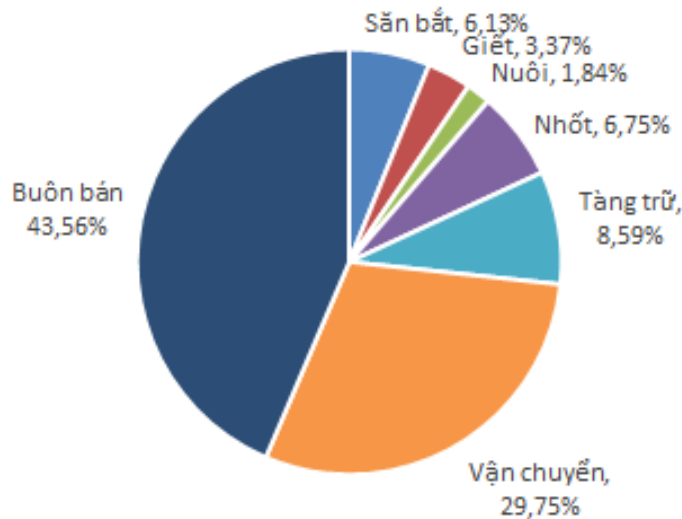
Về độ tuổi theo giới tính, trong khi độ tuổi của đối tượng phạm tội là Nam giới đi theo xu hướng về độ tuổi như phân tích trên thì độ tuổi của đối tượng phạm tội là Nữ giới chỉ ra một xu hướng khác. Cụ thể là nữ giới không phạm tội ở các độ tuổi từ 24 đến 29 tuổi và từ 60 tuổi trở lên, ở các độ tuổi này 100% người phạm tội là nam giới (Biểu đồ 24). Đáng chú ý, đối tượng phạm tội là nữ giới có độ tuổi từ 54 đến 59 tuổi chiếm gần 40% (5/13 đối tượng) trong tổng số đối tượng phạm tội trong độ tuổi này bị khởi tố hình sự.



Biểu đồ 24. Đối tượng phạm tội về ĐVHD theo độ tuổi và giới tính

2.3.5. Hành vi phạm tội

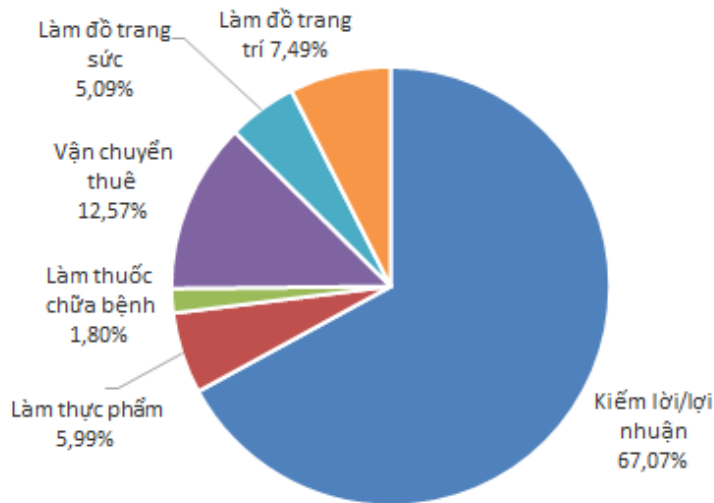
Xét theo hành vi phạm tội của các đối tượng cho thấy hành vi buôn bán chiếm tỷ lệ lớn nhất là 43,56% (142/326 đối tượng), hành vi vận chuyển chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 29,75% (97/326 đối tượng), hành vi tàng trữ chiếm tỷ lệ cao thứ ba là 8,59% (28/326 đối tượng), hành vi nhốt chiếm tỷ lệ cao thứ tư là 6,75% (22/326 đối tượng), hành vi săn bắt chiếm tỷ lệ 6,13% (20/326 đối tượng) và hành vi nuôi trái phép ĐVHD chiếm tỷ lệ thấp nhất là 1,84% (6/326 đối tượng) - (Biểu đồ 25).



Biểu đồ 25. Tỷ lệ các hành vi phạm tội liên quan đến ĐVHD

2.3.6. Động cơ, mục đích của đối tượng phạm tội

Phân tích trên số đối tượng phạm tội cho thấy, động cơ buôn bán kiếm lời/lợi nhuận chiếm phần lớn là 67,06% (224/334 đối tượng), vận chuyển thuê chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 12,57% (42/334 đối tượng), còn lại với mục đích làm thực phẩm, đồ trang sức, làm thuốc chữa bệnh, làm đồ trang trí, trong đó làm đồ trang trí chiếm tỷ lệ thấp nhất là 0,59% (2/334 đối tượng), ngoài ra, còn có động cơ, mục đích khác như: nuôi hộ, vận chuyển hộ (Biểu đồ 26).



Biểu đồ 26. Tỷ lệ về động cơ, mục đích của đối tượng phạm tội về ĐVHD

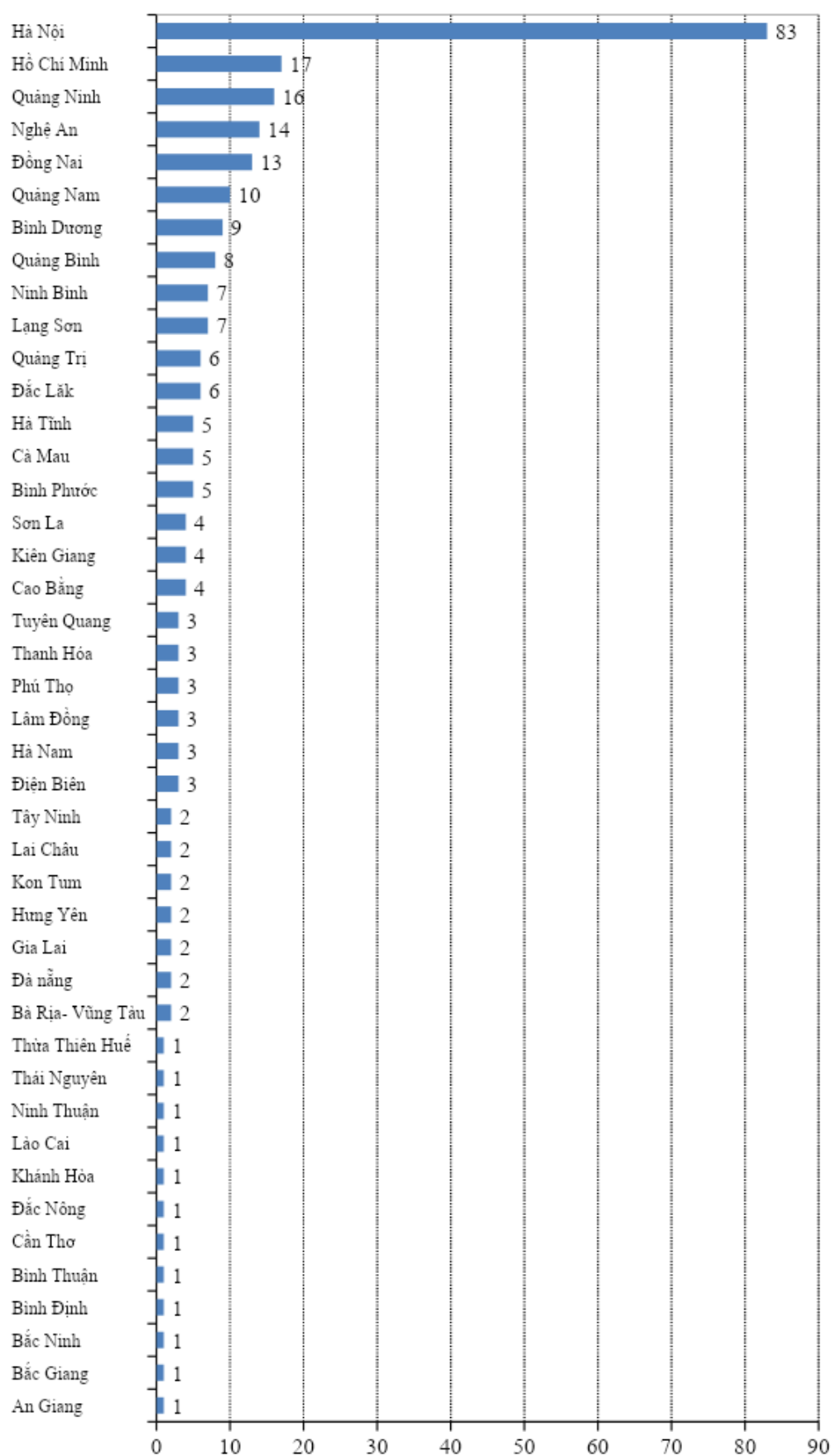
III. HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỘI PHẠM VỀ ĐVHD

Trong phạm vi báo cáo này, số liệu về các vụ vi phạm khởi tố hình sự trong giai đoạn 2018-2019 được tổng hợp từ 50 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước do 13 địa phương không ghi nhận các vụ vi phạm trong giai đoạn này hoặc có ghi nhận nhưng không đáp ứng các tiêu chí thống kê, bao gồm: Bắc Kạn, Bạc Liêu, Bến Tre, Đồng Tháp, Hà Giang, Hải Dương, Hải Phòng, Hậu Giang, Long An, Nam Định, Phú Yên, Quảng Ngãi và Sóc Trăng. Trong đó Bến Tre, Quảng Ngãi và Sóc Trăng là 3 địa phương liên tục trong 7 năm, từ năm 2013 đến năm 2019, không ghi nhận vụ vi phạm về ĐVHD bị xử lý hình sự (WCS, 2018).

Phần này của báo cáo sẽ phân tích hiệu quả của công tác bắt giữ, xử lý tội phạm về ĐVHD theo địa phương, theo thời gian và theo cơ quan chức năng thông qua chỉ số là số lượng vụ án/số lượng bị can/bị cáo bị bắt giữ, khởi tố, truy tố và xét xử.

3.1. Hiệu quả công tác bắt giữ, xử lý tội phạm về ĐVHD theo địa phương

Số liệu thu thập được cho thấy các địa phương có số lượng vụ án/bị can liên quan đến ĐVHD phần lớn là các tỉnh, thành phố lớn như: Hà Nội (83 vụ án/108 bị can), TP. Hồ Chí Minh (17 vụ án/12 bị can), Đồng Nai (13 vụ án/17 bị can), Bình Dương (9 vụ án/12 bị can), Quảng Nam (10 vụ án/11 bị can) và các địa phương có cửa khẩu biên giới chính với Trung Quốc và Lào như: Quảng Ninh (16 vụ án/28 bị can), Nghệ An (14 vụ án/21 bị can), Quảng Bình (8 vụ án/10 bị can), Lạng Sơn (7 vụ án/4 bị can), Quảng Trị (6 vụ án/4 bị can) - (Biểu đồ 27).



Biểu đồ 27. Số vụ án về ĐVHD khởi tố hình sự theo địa phương

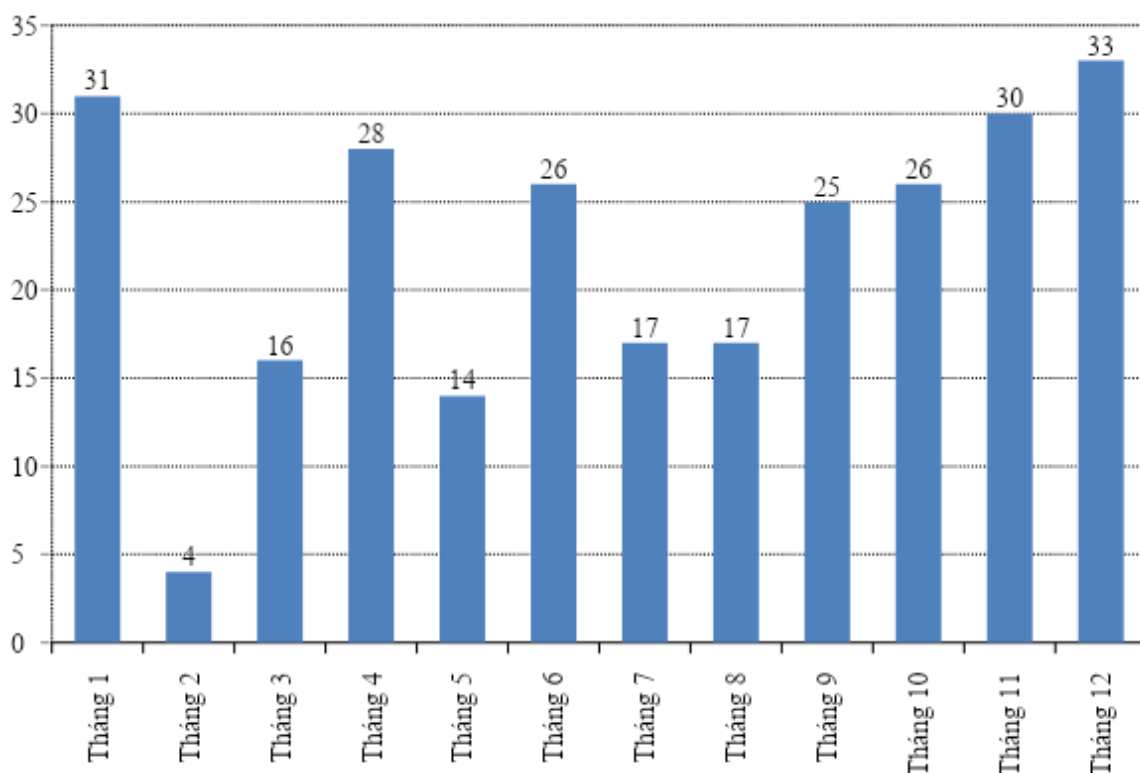
Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là hai địa phương có số vụ án/bị can bị khởi tố hình sự cao nhất cả nước, cụ thể số vụ án bị khởi tố lần lượt là 83 và 17 vụ án, chiếm gần 38% (100/267 vụ án) và số bị can bị khởi tố là 108 và 12 bị can, chiếm gần 37% (120/326 bị can). Trong đó Hà Nội là địa phương có số lượng bắt giữ, khởi tố về hình sự chiếm tỷ lệ cao nhất cả nước trong giai đoạn 2018-2019, với 31,09% (83/267 vụ án) và 31,13% (108/326 bị can) - (Biểu đồ 27).

Cần lưu ý rằng, dữ liệu thống kê liên quan số vụ án và số bị can bị bắt giữ, xử lý thể hiện: (1) Các điểm nóng về vận chuyển, buôn bán ĐVHD trái phép, (2) Công tác thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHD tại địa phương đó được thực hiện tốt. Để làm rõ được bản chất hoạt động thực thi pháp luật liên quan đến ĐVHD tại thời điểm xây dựng báo cáo này, chúng tôi bổ sung thêm nội dung (Mục 3.5) để so sánh công tác xử lý tội phạm về ĐVHD giai đoạn năm 2018-2019 với giai đoạn năm 2016-2017 (trước và sau khi Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành).

3.2. Hiệu quả công tác bắt giữ, xử lý tội phạm về ĐVHD theo thời gian

- Theo năm: Phân tích số án/bị can bị khởi tố liên quan đến ĐVHD trong năm 2018 và 2019 cho thấy không có sự chênh lệch đáng kể giữa 2 năm, cụ thể:
 - Năm 2018 các cơ quan chức năng đã khởi tố hình sự 141 vụ án với 169 bị can.
 - Năm 2019 các cơ quan chức năng khởi tố hình sự 126 vụ án (giảm 10,6%) với 157 bị can (giảm 7%).
- Theo tháng: Xét về hiệu quả, mặc dù các chuyên án lớn có thể dẫn đến một vụ bắt giữ quy mô lớn, giúp triệt phá một đường dây tội phạm, tuy nhiên các hoạt động thực thi pháp luật có tần suất thường xuyên lại hiệu quả hơn trong việc ngăn chặn tội phạm. Do đó, để đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật, ngoài các chỉ số về tổng số vụ án/bị can bị bắt giữ và xử lý; số vụ án bắt giữ với số lượng lớn thì báo cáo còn xem xét đến tính nhất quán và liên tục của số vụ án/bị can bị bắt giữ, khởi tố theo các tháng trong năm.

Phân tích cụ thể theo các tháng, số lượng vụ án bị phát hiện, bắt giữ giảm rõ rệt trong tháng Hai của cả 2 năm, chỉ chiếm 1,5% (4/267) so với tổng số vụ án phát hiện, bắt giữ trong giai đoạn năm 2018-2019. Lý do có thể là do Tết Nguyên Đán trùng vào tháng này nên hoạt động vi phạm pháp luật của các đối tượng giảm và/hoặc hoạt động thực thi pháp luật của các cơ quan chức năng giảm. Trong khi đó, các tháng Mười Một, Mười Hai và tháng Một ghi nhận số vụ án bắt giữ cao hơn các tháng trong năm. Điều này phần nào thể hiện kết quả của các đợt cao điểm trấn áp tội phạm dịp Tết Nguyên Đán của các cơ quan thực thi pháp luật (Biểu đồ 28).



Biểu đồ 28. Số vụ án về ĐVHD bị phát hiện, bắt giữ theo tháng²

Phân tích tính nhất quán và liên tục của hoạt động thực thi pháp luật của các địa phương thông qua số vụ án bắt giữ, khởi tố theo tháng cho thấy: Các cơ quan chức năng của Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Nghệ An, Đồng Nai, Bình Dương hoạt động tích cực nhất. Trong đó, Hà Nội là địa phương có ghi nhận các hoạt động thực thi pháp luật trong 24/24 tháng của 2 năm (2018-2019); TP. Hồ Chí Minh và Quảng Ninh là 18/24 tháng, Nghệ An là 16/24 tháng. Ngược lại, một số địa phương chỉ ghi nhận các hoạt động thực thi pháp luật trong 01 tháng đến 03 tháng trên tổng số 24 tháng như: Lào Cai, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông, An Giang, Cần Thơ đều ghi nhận các hoạt động thực thi pháp luật trong 1/24 tháng; Lai Châu, Hưng Yên, Đà Nẵng, Gia Lai, Tây Ninh là 2/24 tháng; Điện Biên, Tuyên Quang, Hà Nam, Phú Thọ, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu là 3/24 tháng (Bảng 1).

² Số lượng vụ án về ĐVHD bị bắt giữ, khởi tố của năm 2018 và 2019 được cộng theo tháng

STT	Tỉnh, Thành phố	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng
1	An Giang									1				1
2	Bà Rịa- VT				2		1							3
3	Bắc Giang												1	1
4	Bắc Ninh				1									1
5	Bình Định									1				1
6	Bình Dương					1	1	2	2	1			2	9
7	Bình Phước			1	1		1					2		5
8	Bình Thuận				1									1
9	Cà Mau	3			2									5
10	Cần Thơ						1							1
11	Cao Bằng	2						1			1			4
12	Đà Nẵng			1						1				2
13	Đắk Lắk			1			2			1	1	1		6
14	Đắk Nông								1					1
15	Điện Biên				1			1					1	3
16	Đồng Nai						1	2		2	1	7		13
17	Gia Lai	1					1							2
18	Hà Nam	1			1								1	3
19	Hà Nội	9	2	7	13	4	5	4	8	8	6	4	13	83
20	Hà Tĩnh						2					1	2	5
21	TP. Hồ Chí Minh	3			2		1	1	2	2	2	2	2	17
22	Hưng Yên	1						1						2
23	Khánh Hòa												1	1
24	Kiên Giang	2											2	4
25	Kon Tum												2	2
26	Lai Châu	1									1			2
27	Lâm Đồng						1	1		1				3
28	Lạng Sơn	1							1	1	3	1		7
29	Lào Cai					1								1
30	Nghệ An	1		3		2	3		1		1	2	1	14
31	Ninh Bình	1						1		2	1	1	1	7
32	Ninh Thuận												1	1
33	Phú Thọ		1		1					1				3
34	Quảng Bình	1		2					1			4		8
35	Quảng Nam	2				1	1		1		3		1	9
36	Quảng Ninh	2		1	1	2	2	3		2		2	1	16
37	Quảng Trị					1					3	2		6
38	Sơn La						1			2			1	4
39	Tây Ninh		1									1		2
40	Thái Nguyên					1								1
41	Thừa Thiên Huế										1			1
42	Tuyên Quang				2	1								3
	Tổng	31	4	16	28	14	26	17	17	25	26	30	33	267

Bảng 1. Số vụ án về ĐVHD bị bắt giữ, khởi tố theo tháng và theo địa phương³

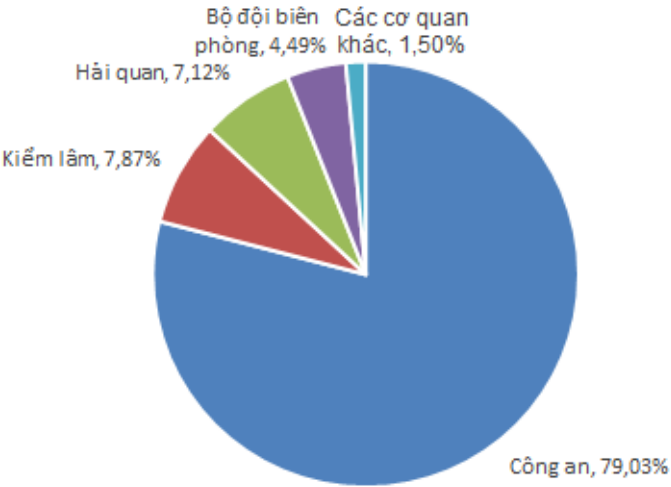
3 Bảng 1 chỉ ghi nhận 42/50 địa phương có các vụ án đã khởi tố, 8 địa phương còn lại có ghi nhận vụ vi phạm nhưng chưa xác định được đối tượng vi phạm nên chưa khởi tố.

3.3. Công tác phát hiện, bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD

3.3.1. Sự tham gia của các cơ quan thực thi pháp luật trong phát hiện, bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD

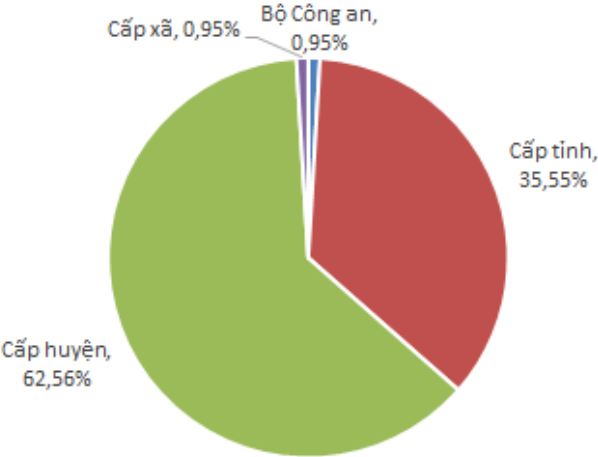
• Xét theo số vụ vi phạm bị phát hiện, bắt giữ:

Trong tổng số 267 vụ vi phạm được ghi nhận, tỷ lệ số vụ vi phạm do lực lượng Công an trực tiếp phát hiện, bắt giữ chiếm tỷ lệ cao nhất là 79,03% (211/267 vụ vi phạm), tiếp theo là lực lượng Kiểm lâm với 7,87% (21/267 vụ vi phạm), lực lượng Hải quan là 7,12% (19/267 vụ vi phạm), lực lượng Bộ đội biên phòng là 4,49% (12/267 vụ vi phạm), còn lại là do lực lượng Quản lý thị trường và cơ quan khác bắt giữ với 1,50% (4/267 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 29).



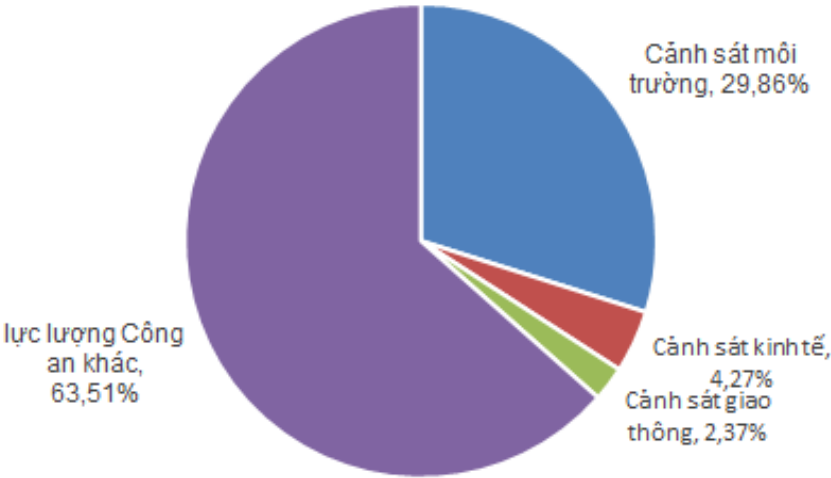
Biểu đồ 29. Tỷ lệ vụ vi phạm về ĐVHD do các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ

- Đối với lực lượng Công an:
- Theo cấp: Số vụ vi phạm do Công an cấp huyện phát hiện, bắt giữ chiếm tỷ lệ cao, với 62,56% (132/211 vụ vi phạm), số vụ vi phạm do Công an cấp tỉnh phát hiện, bắt giữ chiếm tỷ lệ 35,55% (75/211 vụ vi phạm), còn lại do các Cơ quan công an cấp bộ và cấp xã phát hiện, bắt giữ, chiếm tỷ lệ nhỏ 1,89% (4/267 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 30).



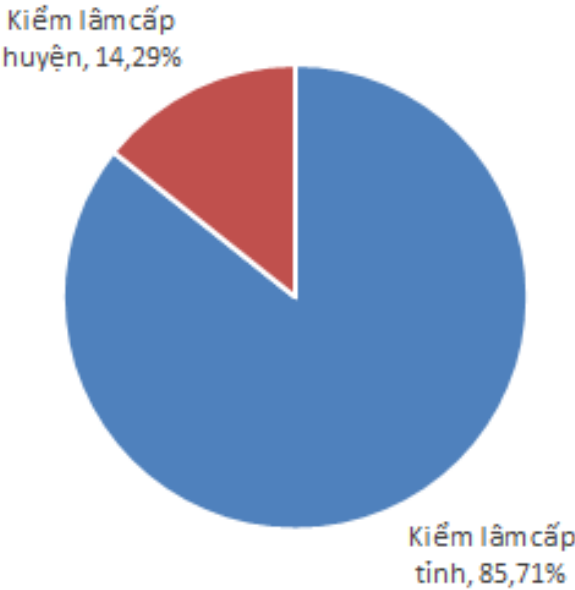
Biểu đồ 30. Tỷ lệ vụ vi phạm về ĐVHD do lực lượng Công an các cấp bắt giữ

- Theo hệ lực lượng: Có 3 hệ lực lượng chuyên ngành chính trực tiếp tham gia phát hiện, bắt giữ tội phạm về ĐVHD trong giai đoạn 2018-2019, đó là Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu và Cảnh sát giao thông. Ngoài ra, có sự tham gia của một số hệ lực lượng khác như: Cảnh sát cơ động, Cảnh sát bảo vệ. Trong số 211 vụ vi phạm do cơ quan Công an bắt giữ, Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường là lực lượng bắt giữ nhiều nhất với 29,86% (63/211 vụ vi phạm), tiếp theo là Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, với tỷ lệ bắt giữ chiếm tỷ lệ 4,27% (9/211 vụ vi phạm), Cảnh sát giao thông có tỷ lệ bắt giữ là 2,37% (5/211 vụ vi phạm), còn lại do lực lượng Công an khác bắt giữ với tỷ lệ là 63,51% (134/211 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 31).



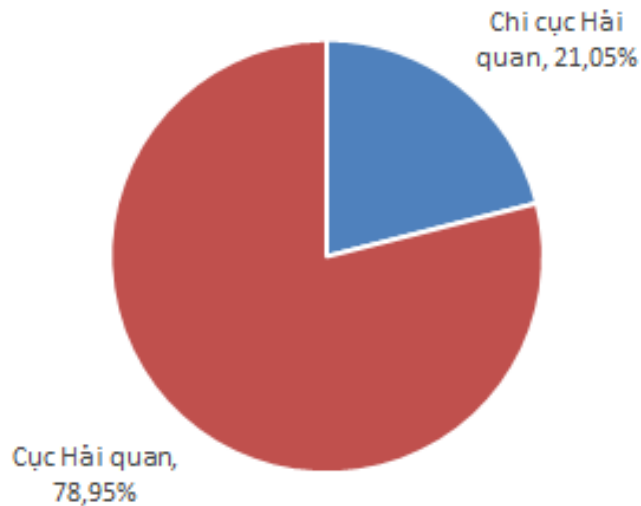
Biểu đồ 31. Tỷ lệ vụ vi phạm về ĐVHD do hệ lực lượng Công an chuyên ngành bắt giữ

- Đối với lực lượng Kiểm lâm: Kiểm lâm cấp tỉnh là lực lượng chính trong hoạt động phát hiện, bắt giữ các vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD, chiếm tỷ lệ là 85,71% (18/21 vụ vi phạm), Kiểm lâm cấp huyện có tỷ lệ bắt giữ là 14,29% (3/21 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 32).



Biểu đồ 32. Tỷ lệ vụ vi phạm về ĐVHD do lực lượng Kiểm lâm các cấp bắt giữ

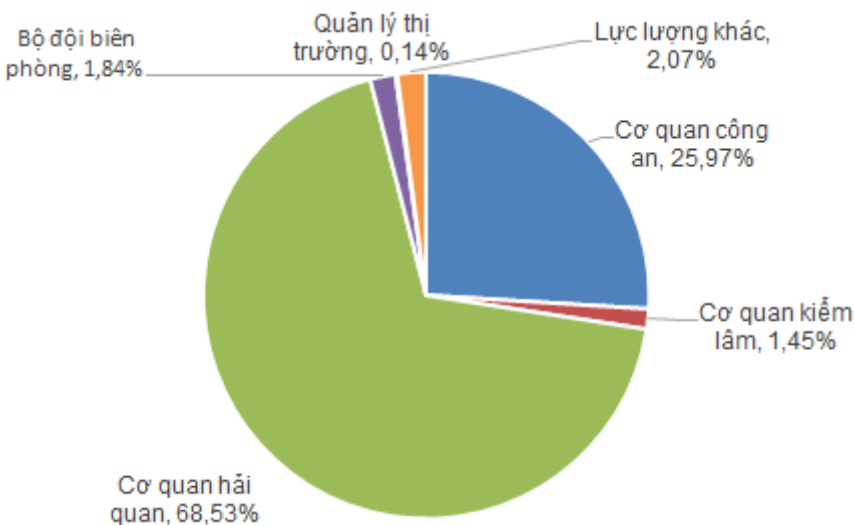
- *Đối với lực lượng Hải quan:* Hải quan cấp Cục là lực lượng phát hiện, bắt giữ phần lớn các vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD, chiếm tỷ lệ là 78,95% (15/19 vụ vi phạm), trong khi đó, số vụ vi phạm do cấp Chi cục phát hiện, bắt giữ chiếm tỷ lệ là 21,05% (4/19 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 33).



Biểu đồ 33. Tỷ lệ vụ vi phạm về ĐVHD do lực lượng Hải quan các cấp bắt giữ

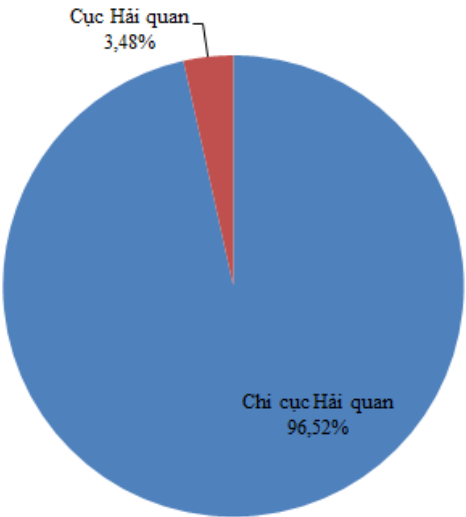
● **Xét theo khối lượng ĐVHD bị bắt giữ:**

Trong tổng số 39.371 kg ĐVHD (bao gồm cá thể, bộ phận cơ thể và sản phẩm) bị bắt giữ được ghi nhận trong báo cáo này, khối lượng ĐVHD do lực lượng Hải quan bắt giữ chiếm tỷ lệ cao nhất là 68,53% (26.980,49/39.371 kg), tiếp theo là lực lượng Công an với 25,97% (10.224/39.371 kg), Bộ đội biên phòng là 1,84% (725,3/ 39.371kg), Kiểm lâm là 1,45% (572,7/ 39.371 kg), còn lại là do lực lượng Quản lý thị trường và các cơ quan khác bắt giữ với tỷ lệ là 2,21% (868,9/ 39.371 kg) - (Biểu đồ 34).



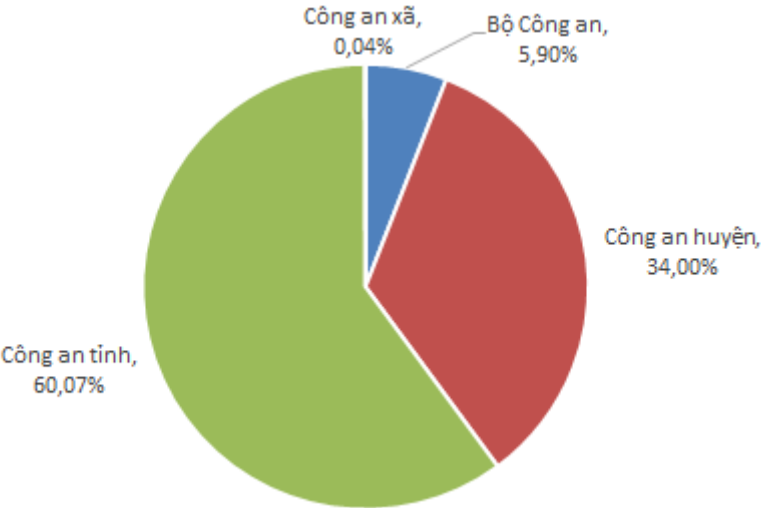
Biểu đồ 34. Tỷ lệ khối lượng ĐVHD do các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ

- *Đối với lực lượng Hải quan:* Mặc dù có số lượng vụ vi phạm bắt giữ ít hơn nhưng Hải quan cấp Chi cục bắt giữ phần lớn khối lượng ĐVHD trong tổng khối lượng ĐVHD do lực lượng Hải quan bắt giữ với tỷ lệ chiếm 96,52% (26.040,79/26.980,49 kg), trong khi đó khối lượng ĐVHD do Hải quan cấp Cục bắt giữ chiếm tỷ lệ nhỏ là 3,48% (939,7/26.980,49 kg) - (Biểu đồ 35).



Biểu đồ 35. Tỷ lệ khối lượng ĐVHD do lực lượng Hải quan các cấp bắt giữ

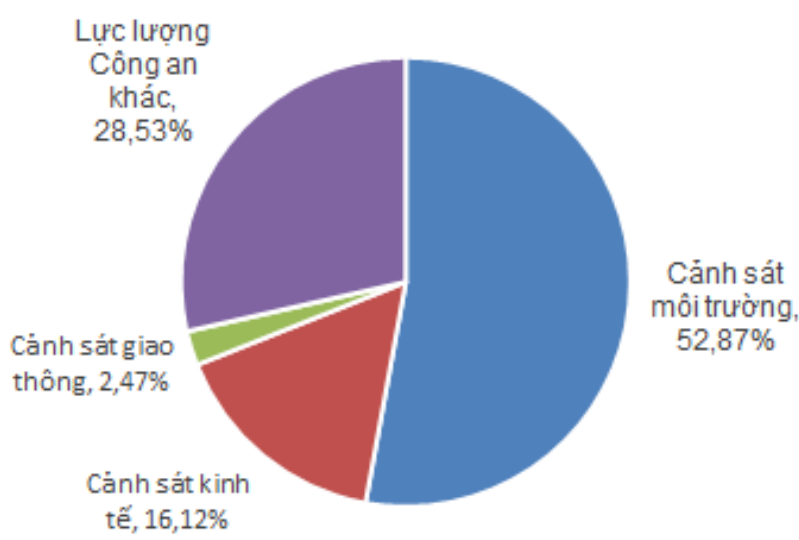
- *Đối với lực lượng Công an:*
 - Theo cấp: Công an cấp tỉnh bắt giữ phần lớn khối lượng ĐVHD với tỷ lệ chiếm 60,07% (6.140,908/10.223,8 kg), trong khi đó Công an cấp huyện bắt giữ khối lượng ĐVHD chiếm tỷ lệ là 34% (3.475,921/10.223,8 kg), còn lại do các cơ quan Công an cấp bộ và cấp xã bắt giữ chiếm tỷ lệ nhỏ là 5,94% (606,95/10.223,8 kg) - (Biểu đồ 36).



Biểu đồ 36. Tỷ lệ khối lượng ĐVHD do lực lượng Công an các cấp bắt giữ

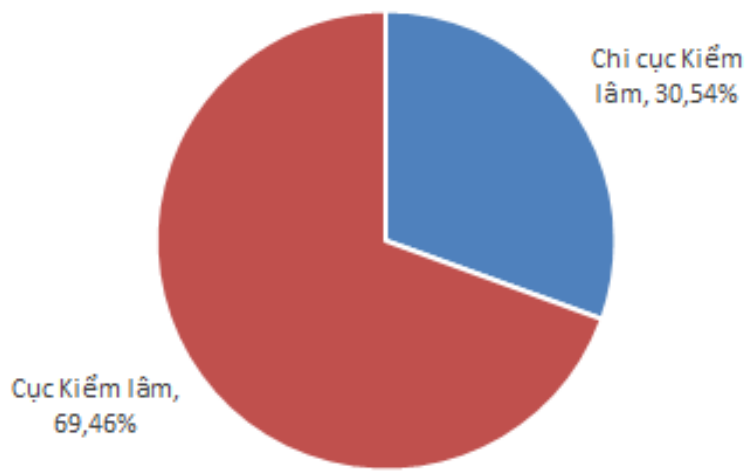
- Theo hệ lực lượng: Trong tổng số khối lượng ĐVHD bị bắt giữ, khối lượng do lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường bắt giữ chiếm tỷ lệ cao nhất là 52,87%

(5.405,465/10.223,8 kg), khối lượng ĐVHD do các lực lượng Cảnh sát khác bắt giữ chiếm tỷ lệ là 28,53% (2917,241/10.223,8 kg), khối lượng ĐVHD do lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu bắt giữ chiếm tỷ lệ là 16,12% (1.648,453/ 10.223,8 kg) và khối lượng ĐVHD do lực lượng Cảnh sát giao thông bắt giữ chiếm tỷ lệ là 2,47% (252,6/10.223,8 kg) - (Biểu đồ 37).



Biểu đồ 37. Tỷ lệ khối lượng ĐVHD do các hệ lực lượng Công an chuyên ngành bắt giữ

- *Đối với lực lượng Kiểm lâm:* Kiểm lâm cấp Cục bắt giữ phần lớn khối lượng ĐVHD, chiếm tỷ lệ là 69,46% (397,8/572,7 kg), Kiểm lâm cấp Chi cục bắt giữ khối lượng ĐVHD chiếm tỷ lệ là 30,54% (174,9/ 572,7 kg) - (Biểu đồ 38).

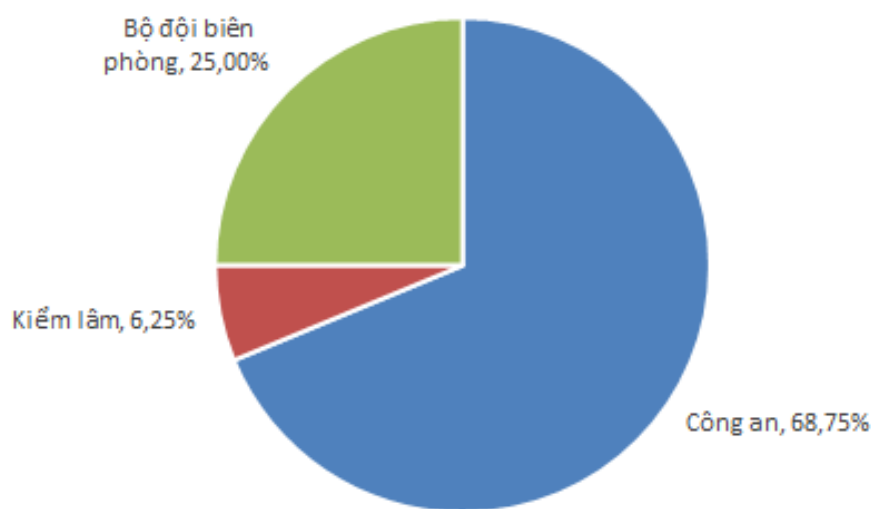


Biểu đồ 38. Tỷ lệ khối lượng ĐVHD do lực lượng Kiểm lâm các cấp bắt giữ

3.3.2. Công tác phối hợp liên ngành trong phát hiện, bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD

Theo dữ liệu thu thập được trong khuôn khổ báo cáo này, giai đoạn năm 2018-2019 ghi nhận 5,99% (16/267 vụ vi phạm) trong tổng số vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD bị phát hiện, bắt giữ có sự hợp tác giữa hai hoặc nhiều cơ quan. Trong đó:

- Xét theo cơ quan chủ trì, trong tổng số 16 vụ vi phạm có sự phối hợp bắt giữ của hai hoặc nhiều cơ quan thì số lượng vụ vi phạm do lực lượng Công an chủ trì chiếm tỷ lệ lớn, với 68,75% (11/16 vụ vi phạm), tiếp đến là lực lượng Bộ đội biên phòng với tỷ lệ chiếm 25% (4/16 vụ vi phạm), lực lượng Kiểm lâm chủ trì số vụ vi phạm chiếm tỷ lệ là 6,25% (1/16 vụ vi phạm) - (Biểu đồ 39).
- Xét theo địa phương, trong tổng số 16 vụ vi phạm có sự phối hợp bắt giữ của hai hoặc nhiều cơ quan thì Bình Dương chiếm tỷ lệ lớn nhất là 31,25% (5/16 vụ vi phạm), tiếp đến là Kiên Giang và Quảng Nam với tỷ lệ là 25% (4/16 vụ vi phạm), Bình Phước, Cần Thơ và Đồng Nai có tỷ lệ là 6,25% (1/16 vụ vi phạm).



Biểu đồ 39. Tỷ lệ vụ vi phạm bị bắt giữ có sự phối hợp liên ngành theo cơ quan chủ trì

3.4. Công tác xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD⁴

3.4.1. Số lượng, tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố liên quan đến ĐVHD

Trong giai đoạn 2018-2019, các cơ quan chức năng của Việt Nam đã tiếp nhận 157 tố giác, tin báo về tội phạm liên quan đến ĐVHD, trong đó đã giải quyết 156 tố giác, tin báo về tội phạm (chiếm 99,36%), còn lại đang giải quyết 01 tố giác, tin báo về tội phạm (chiếm 0,64%), cụ thể:

- Năm 2018 các cơ quan chức năng đã tiếp nhận 69 tố giác, tin báo về tội phạm, trong đó đã giải quyết 66 tố giác, tin báo, chiếm 95,65%, còn lại đang giải quyết 03 tố giác, tin báo về tội phạm, chiếm 4,35%.
- Năm 2019 các cơ quan chức năng đã tiếp nhận 91 tố giác, tin báo về tội phạm (có 3 tin báo từ năm 2018 chưa giải quyết), trong đó đã giải quyết 90 tố giác, tin báo, chiếm 98,9%, còn lại đang giải quyết 01 tố giác, tin báo về tội phạm, chiếm 1,1%.

4 Ghi chú: Trong mục 3.4 bao gồm cả số lượng vụ vi phạm và đối tượng vi phạm bị bắt giữ trước năm 2018 nhưng bị khởi tố, truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra trong giai đoạn 2018-2019.

3.4.2. Số lượng vụ án/bị can bị khởi tố hình sự về tội liên quan đến ĐVHD

Trong giai đoạn 2018-2019, các cơ quan thực thi pháp luật đã khởi tố hình sự 267 vụ án với 326 bị can phạm tội vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm. Nếu so sánh số lượng khởi tố hình sự của năm 2018 và năm 2019 thì không có sự chênh lệch lớn, mặc dù số lượng bị can bị khởi tố hình sự trong năm 2019 giảm 7,64% (12 bị can) so với năm 2018, cụ thể:

- Năm 2018: các cơ quan chức năng khởi tố hình sự 141 vụ án/169 bị can. Số vụ án bị khởi tố chiếm 115,57% (141/122 vụ án) so với tổng số vụ án phát hiện, bắt giữ; số bị can bị khởi tố chiếm 103,68% (169/163 bị can) so với tổng số đối tượng bị phát hiện, bắt giữ.
- Năm 2019: các cơ quan chức năng khởi tố hình sự 126 vụ án/157 bị can. Số vụ án bị khởi tố chiếm 108,62% (126/116 vụ án) so với tổng số vụ án bị phát hiện, bắt giữ; số bị can bị khởi tố chiếm 101,29% (157/155 bị can) so với tổng số đối tượng bị phát hiện, bắt giữ.

Lưu ý rằng, số vụ án/bị can bị khởi tố cao hơn số vụ án/đối tượng bị phát hiện, bắt giữ là do một số vụ án bị phát hiện, bắt giữ trước năm 2018 nhưng đến năm 2018 hoặc năm 2019 mới bị khởi tố hình sự để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, số lượng vụ án/bị can bị khởi tố không phản ánh toàn cảnh tình hình tội phạm về ĐVHD giai đoạn 2018-2019 vì tội phạm ẩn trong thực tế có thể nhiều. Điều đó có nghĩa là nhiều hành vi vi phạm pháp luật hình sự về ĐVHD có thể không được phát hiện trên thực tế do nhiều nguyên nhân khác nhau.

3.4.3. Số lượng bị can bị truy tố hình sự về tội liên quan đến ĐVHD

Trong giai đoạn 2018-2019, Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã truy tố hình sự 291 bị can, trong đó số lượng bị can bị truy tố năm 2018 và năm 2019 có sự chênh lệch rất lớn, cụ thể:

- Năm 2018: truy tố hình sự 96 bị can.
- Năm 2019: truy tố hình sự 195 bị can.

Như vậy, số bị can bị truy tố hình sự trong năm 2019 tăng 103% (99 bị can) so với năm 2018.

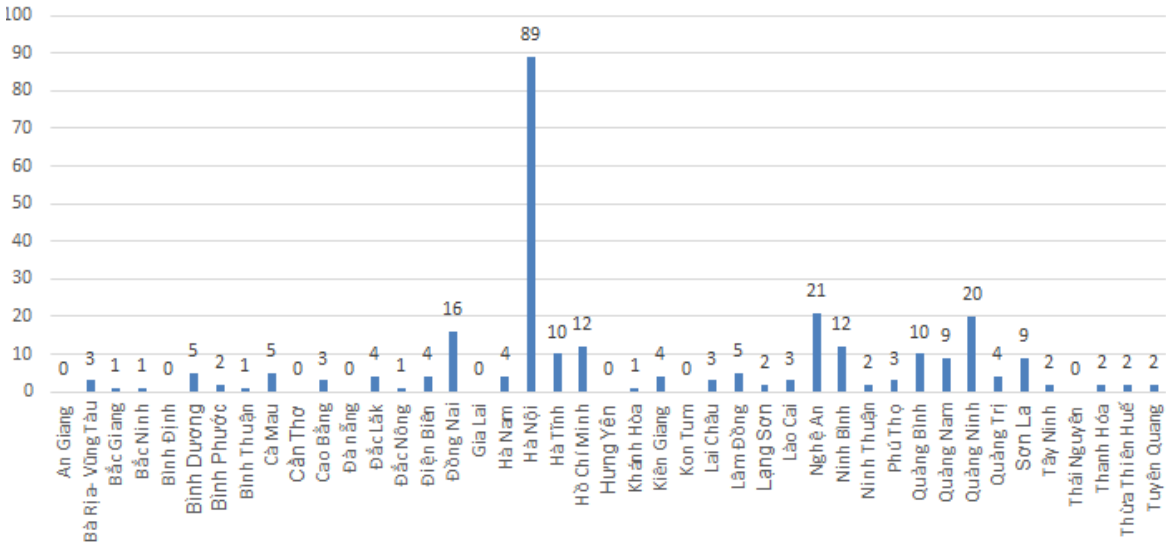
3.4.4. Số lượng bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội liên quan đến ĐVHD

Về số lượng, trong tổng số 291 bị can do Viện kiểm sát nhân dân các cấp truy tố hình sự về tội liên quan đến ĐVHD, có 277 bị can đã bị Tòa án nhân dân các cấp xét xử sơ thẩm, chiếm tỷ lệ là 95,19% (Bảng 2).

Năm	Số lượng bị can bị khởi tố	Số lượng bị can bị truy tố	Số lượng bị cáo bị xét xử sơ thẩm
2018	169	96	83
2019	157	195	194
Tổng số	326	291	277

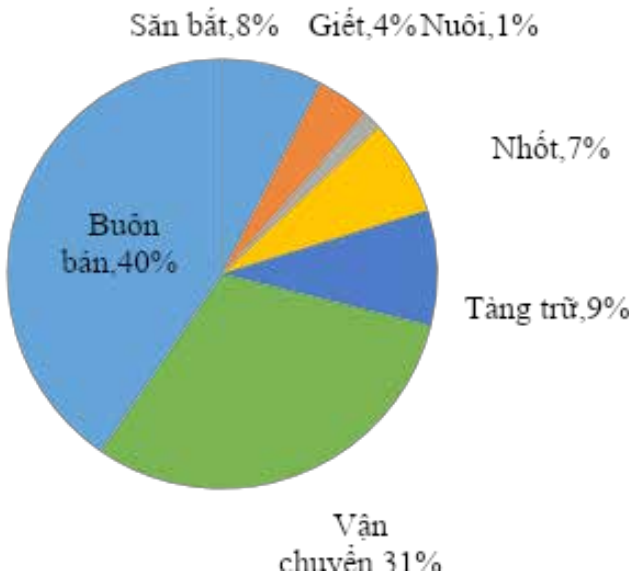
Bảng 2. Số lượng bị can, bị cáo bị khởi tố, truy tố và xét xử sơ thẩm về tội liên quan đến ĐVHD

Về số lượng bị cáo bị xét xử sơ thẩm theo địa phương: Hà Nội, Nghệ An và Quảng Ninh là ba địa phương có số lượng bị cáo xét xử sơ thẩm lớn nhất trên cả nước, lần lượt là 89 bị cáo; 21 bị cáo và 20 bị cáo (Biểu đồ 39).



Biểu đồ 39. Số bị cáo bị xét xử sơ thẩm theo địa phương

Về hành vi phạm tội, các bị cáo bị xét xử sơ thẩm về hành vi buôn bán trái phép ĐVHD chiếm tỷ lệ cao nhất với hơn 40% (112/277 bị cáo), tiếp theo là hành vi vận chuyển trái phép ĐVHD với hơn 30% (85/277 bị cáo), còn lại là các hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt trái phép chiếm tỷ lệ là 28,22% (56/277 bị cáo) (Biểu đồ 40).



Biểu đồ 40. Tỷ lệ các hành vi phạm tội liên quan đến ĐVHD bị xét xử sơ thẩm

3.4.5. Tỷ lệ giải quyết của Cơ quan điều tra đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD

Về số lượng: Số vụ án và số bị can do cơ quan có thẩm quyền các cấp đã kết thúc điều tra, đề nghị truy tố chiếm tỷ lệ lần lượt là 85,77% (229/267 vụ án) và 95,4% (311/326 bị can). Trong khi đó, số vụ án và số bị can tạm đình chỉ điều tra chiếm tỷ lệ lần lượt là 10,86%

(29/267 vụ án) và 1,53% (5/326 bị can), còn lại là số vụ án và số bị can đình chỉ điều tra với tỷ lệ chiếm 3,37% (9/267 vụ án) và 3,07% (10/326 bị can) - (Bảng 3):

Năm	Khởi tố		Kết thúc điều tra đề nghị truy tố		Tạm đình chỉ điều tra		Đình chỉ điều tra	
	Số vụ án	Số bị can	Số vụ án	Số bị can	Số vụ án	Số bị can	Số vụ án	Số bị can
2018	140	169	128 91,42%	166 98,22%	10 7,14%	1 0,59%	2 1,43%	2 1,18%
2019	127	157	101 79,53%	145 92,36%	19 14,96%	4 2,55%	7 5,51%	8 5,1%
Tổng số và tỷ lệ	267	326	229 85,77%	311 95,4%	29 10,86%	5 1,53%	9 3,37%	10 3,07%

Bảng 3. Số lượng và tỷ lệ vụ án và bị can bị khởi tố, truy tố, tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra theo năm

Về lý do tạm đình chỉ điều tra và đình chỉ điều tra:

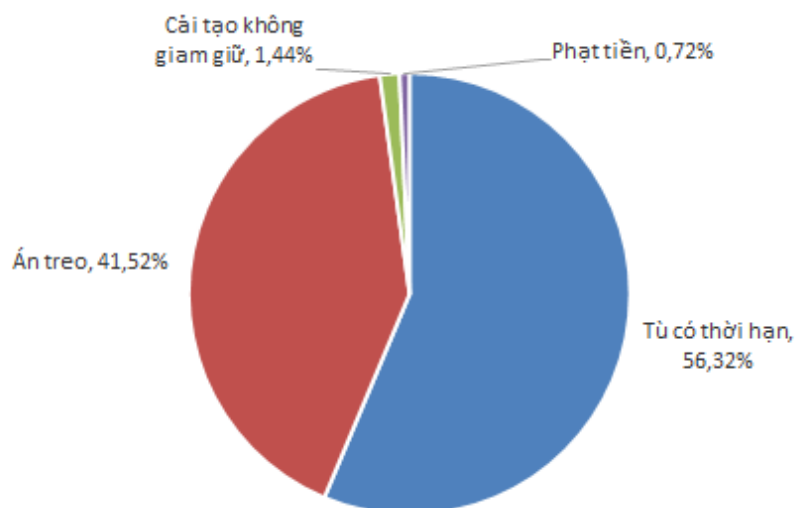
- 10,34% (3/29 vụ án) bị tạm đình chỉ điều tra với lý do ghi nhận được là không định giá được tang vật là ĐVHD (sản phẩm chế tác từ ngà voi; răng báo hoa mai, sư tử; cá thể cu li sống);
- 3,45% (01/29 vụ án) bị tạm đình chỉ điều tra do hết thời hạn điều tra nhưng không có kết quả tương trợ tư pháp từ nước ngoài;
- 22,22% (02/9 vụ án) bị đình chỉ điều tra với lý do ghi nhận được là do thay đổi chính sách, pháp luật.

So sánh theo năm:

- Tỷ lệ số vụ án và số bị can kết thúc điều tra đề nghị truy tố trong năm 2018 là 91,42% (128/140 vụ án) và 98,22% (166/169 bị can), tỷ lệ này cao hơn năm 2019 là 79,53% (101/127 vụ án) và 92,36% (145/157 bị can).
- Ngược lại, tỷ lệ số vụ án và bị can tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra trong năm 2018 thấp hơn năm 2019. Cụ thể, tỷ lệ số vụ án và bị can tạm đình chỉ điều tra năm 2018 là 7,14% (10/140 vụ án) và 0,59% (1/169 bị can) thấp hơn tỷ lệ năm 2019 là 14,96% (19/127 vụ án) và 2,55% (4/157 bị can). Tỷ lệ số vụ án và bị can đình chỉ điều tra năm 2018 là 1,43% (2/140 vụ án) và 1,18% (2/169 bị can) thấp hơn tỷ lệ năm 2019 là 5,51% (7/127 vụ án) và 5,1% (8/157 bị can).

3.4.6. Hình phạt áp dụng đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD

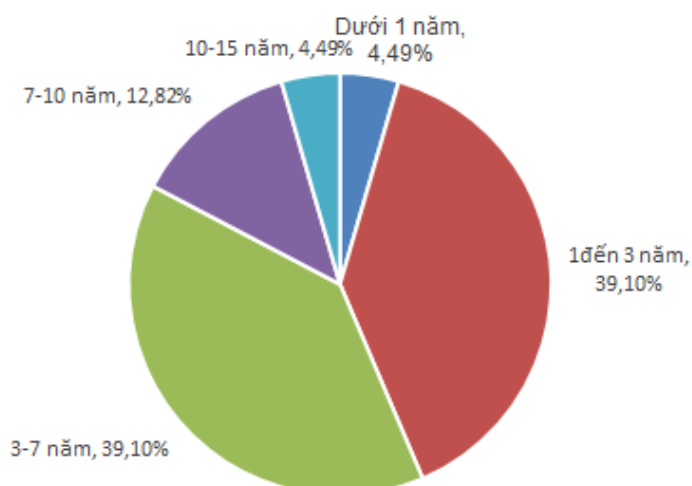
Trong tổng số 277 bị cáo do Tòa án nhân dân các cấp xét xử, hình phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ cao nhất là 56,32% (156/277 bị cáo), hình phạt án treo chiếm tỷ lệ thứ hai là 41,52% (115/277 bị cáo), cải tạo không giam giữ và phạt tiền là các hình phạt chiếm tỷ lệ thấp, lần lượt là 1,44% (4/277 bị cáo) và 0,72% (2/277 bị cáo) - (Biểu đồ 41).



Biểu đồ 41. Tỷ lệ hình phạt áp dụng đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD

Trong tổng số 156 bị cáo bị tuyên phạt tù có thời hạn về tội liên quan đến ĐVHD, số bị cáo bị tuyên hình phạt tù có thời hạn từ 1 năm đến dưới 3 năm và từ 3 năm đến dưới 7 năm chiếm tỷ lệ cao nhất là 39,1% (61/156 bị cáo); số bị cáo bị tuyên hình phạt tù có thời hạn từ 7 năm đến dưới 10 năm chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 12,82% (20/156 bị cáo); số bị cáo bị tuyên hình phạt tù có thời hạn từ dưới 12 tháng và từ 10 năm đến dưới 15 năm chiếm tỷ lệ thấp nhất là 4,49% (7/156 bị cáo) - (Biểu đồ 42).

Ngoài hình phạt tù, có 10,26% (16/156 bị cáo) phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền với tổng số tiền là 522,5 triệu đồng (tương đương với khoảng 22.717 USD), trong đó cao nhất là 100 triệu đồng và thấp nhất là 7,5 triệu đồng.



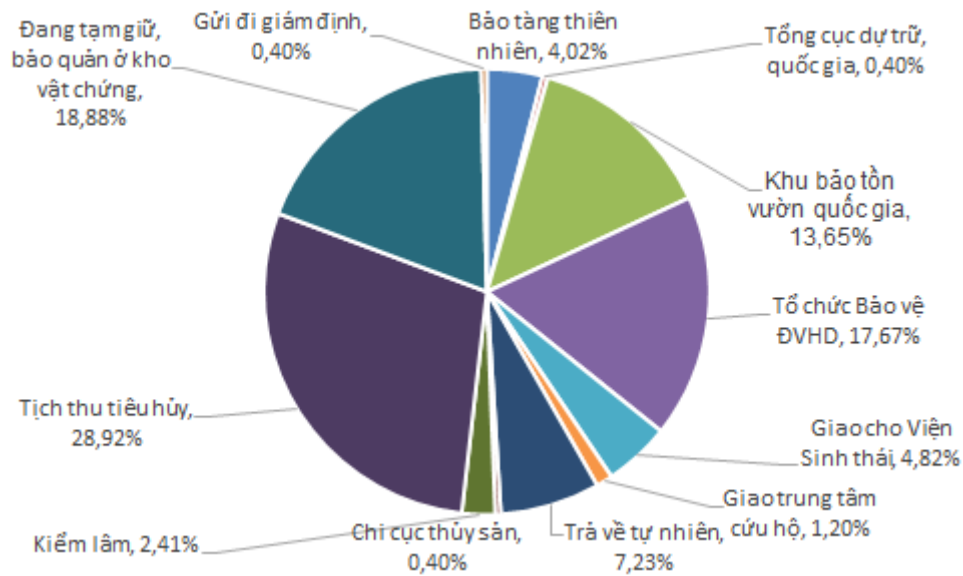
Biểu đồ 42. Tỷ lệ mức hình phạt tù áp dụng đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD

3.4.7. Hình thức xử lý vật chứng là ĐVHD

Trong tổng số 249 vụ án có ghi nhận hình thức xử lý tang vật là ĐVHD, các hình thức xử lý phổ biến nhất là tịch thu, tiêu hủy chiếm tỷ lệ lớn nhất là 28,92% (72/249 vụ án), tiếp đến là bảo quản tại kho vật chứng với tỷ lệ là 18,88% (47/249 vụ án), giao cho Trung tâm

cứu hộ và tổ chức bảo vệ ĐVHD chiếm tỷ lệ là 18,87% (47/249 vụ án), chuyển cho các khu bảo tồn thiên nhiên hoặc vườn quốc gia chiếm tỷ lệ là 13,65% (34/249 vụ án), thả ĐVHD về môi trường tự nhiên chiếm tỷ lệ là 7,23% (18/249 vụ án). Các hình thức xử lý tang vật khác chiếm tỷ lệ thấp như giao cho Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật với tỷ lệ là 4,82% (12/249 vụ án), chuyển giao cho Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam chiếm tỷ lệ là 4,02% (10/249 vụ án), giao cho Tổng cục Dự trữ Nhà nước, giao cho Chi cục Thủy sản, không hoàn lại mẫu vật sau khi gửi đi giám định, chỉ chiếm tỷ lệ là 3,61% (9/249 vụ án) - (Biểu đồ 43).

Lưu ý rằng, trong quá trình xử lý vật chứng, việc các cơ quan thực thi pháp luật chuyển giao vật chứng là ĐVHD cho các cơ quan chức năng khác nhau là do Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) hiện nay không quy định cụ thể cơ quan nào, do đó dẫn đến việc áp dụng không thống nhất.



Biểu đồ 43. Tỷ lệ các hình thức xử lý tang vật là ĐVHD

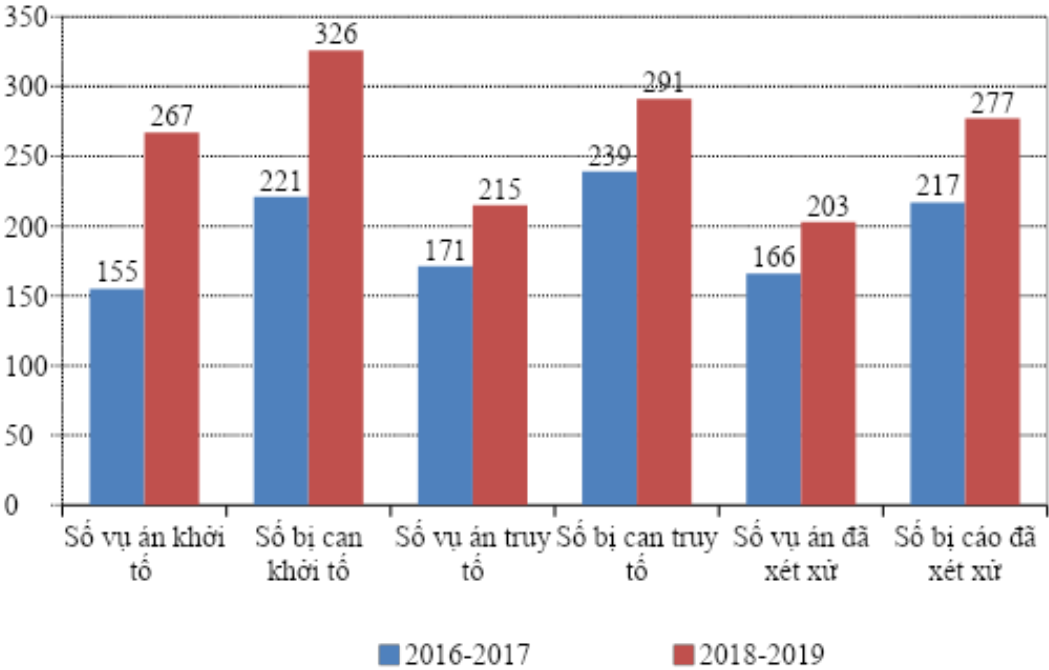
3.5. Hiệu quả công tác xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD

3.5.1. Xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD giai đoạn 2018-2019 và giai đoạn 2016-2017 (trước và sau khi Bộ luật Hình sự năm 2015 – sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành)

Phân tích và so sánh các chỉ số về số lượng khởi tố, truy tố, xét xử, loại hình phạt và mức hình phạt trong giai đoạn 2018-2019 và giai đoạn 2016-2017 cho thấy:

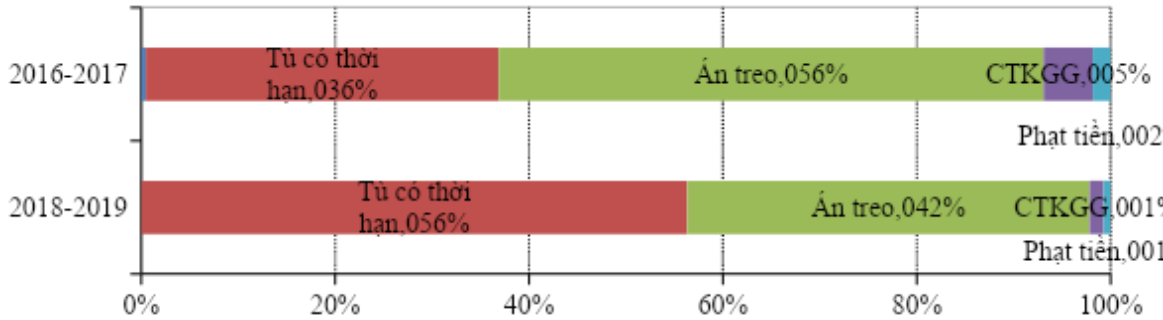
- Về số lượng (Biểu đồ 44):
 - Khởi tố: Các cơ quan thực thi pháp luật đã khởi tố hình sự 155 vụ án với 221 bị can trong giai đoạn 2016-2017 và 267 vụ án với 326 bị can trong giai đoạn 2018-2019. Như vậy, số vụ án và số bị can bị khởi tố hình sự tăng 112 vụ án (tương ứng 41,95%) và 105 bị can (tương ứng 32,21%).
 - Truy tố: Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã truy tố 171 vụ án với 239 bị can trong giai đoạn 2016-2017 và 215 vụ án với 291 bị can trong giai đoạn 2018-2019. Như vậy, số vụ án và số bị can truy tố tăng 44 vụ án (tương ứng 25,7%) và 52 bị can (tương ứng 21,8%).

- Xét xử sơ thẩm: Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử sơ thẩm 166 vụ án với 217 bị cáo trong giai đoạn 2016-2017 và 203 vụ án với 277 bị cáo trong giai đoạn 2018-2019. Như vậy, số vụ án và số bị cáo bị xét xử hình sự sơ thẩm tăng 37 vụ án (tương đương 22,3%) và 60 bị cáo (tương đương 27,6%).



Biểu đồ 44. Số lượng án và bị can, bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử sơ thẩm trong giai đoạn 2016-2017 và giai đoạn 2018-2019

- Loại hình phạt áp dụng: Trong giai đoạn 2016-2017, án treo là hình phạt phổ biến được áp dụng với tỷ lệ là hơn 56,22% (122/217 bị cáo), hình phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ 36,41% (79/217 bị cáo). Tuy nhiên, giai đoạn 2018-2019 thì ngược lại, tù có thời hạn là hình phạt chiếm tỷ lệ cao nhất với 56,32% (156/277 bị cáo), tiếp đến là hình phạt án treo chiếm tỷ lệ là 41,52% (115/277 bị cáo). Các hình phạt khác gồm cải tạo không giam giữ và phạt tiền trong giai đoạn 2018-2019 thấp hơn so với giai đoạn 2016-2017, lần lượt chiếm tỷ lệ là 1,44% (4/277 bị cáo) và 0,72% (2/277 bị cáo) so với giai đoạn 2016-2017 có tỷ lệ tương ứng là 5% (11/217 bị cáo) và 2% (5/217 bị cáo) - (Biểu đồ 45).



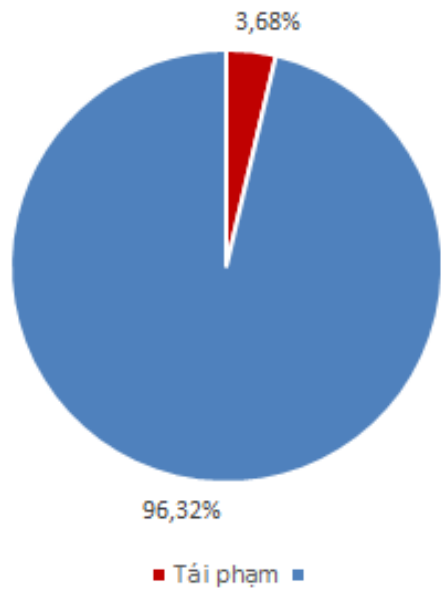
Biểu đồ 45. Loại hình phạt áp dụng đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD xét xử sơ thẩm, giai đoạn 2016 – 2017 và giai đoạn 2018-2019

- Mức hình phạt áp dụng: trong tổng số 217 bị cáo bị xét xử hình sự sơ thẩm của giai đoạn năm 2016-2017, bị cáo bị tuyên mức hình phạt cao nhất là 5 năm tù và mức hình phạt thấp nhất là 03 tháng 03 ngày tù. Tuy nhiên, giai đoạn 2018-2019, trong tổng số 277 bị cáo bị xét xử hình sự sơ thẩm thì bị cáo bị tuyên mức hình phạt cao nhất là 13 năm tù (vụ án ở tỉnh Quảng Ninh) và mức hình phạt thấp nhất là 4 tháng tù (vụ án ở tỉnh Đồng Nai).

Đánh giá chung: Số lượng vụ án và số lượng bị can bị khởi tố, truy tố, xét xử, loại hình phạt và mức hình phạt áp dụng trong giai đoạn 2018-2019 cao hơn giai đoạn năm 2016 – 2017. Sự gia tăng này có thể có nhiều nguyên nhân, bao gồm sự thay đổi của chính sách pháp luật, đặc biệt là vai trò của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với việc quy định 02 tội danh liên quan đến ĐVHD (Điều 234, 244) so với 01 tội danh của BLHS năm 1999 (Điều 190) theo hướng tăng nặng mức hình phạt. Bên cạnh đó, sự gia tăng này có thể do số vụ vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD có xu hướng gia tăng trên thực tế so với giai đoạn trước.

3.5.2. Tỷ lệ tái phạm của các bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD

Dữ liệu thu thập được cho thấy, trong tổng số 326 bị can bị các cơ quan thực thi pháp luật khởi tố hình sự trong giai đoạn 2018-2019 có 3,68% (12/326 bị can) có các hành vi tái vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD (Biểu đồ 46). Trong số này, có 09 bị cáo (chiếm 75%) phạm tội thuộc trường hợp tái phạm hình sự (*03 bị cáo bị tòa án tuyên phạt án treo, 06 bị cáo bị tuyên phạt tù có thời hạn*) và 03 bị cáo (chiếm 25%) đã bị các cơ quan thực thi pháp luật xử lý hành chính do có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ĐVHD trước khi phạm tội và bị khởi tố hình sự về loại tội danh này. Số bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm (09 bị cáo) nêu trên thuộc các vụ án xảy ra tại các địa phương là Kiên Giang, Hà Nội, Hà Nam, Nghệ An, Ninh Thuận, Quảng Ninh và Quảng Trị. Không có bị can nào phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.



Biểu đồ 46. Tỷ lệ tái phạm của các bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong phạm vi giới hạn của hoạt động đánh giá, bản báo cáo này chưa phản ánh toàn diện tình hình săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD và hiệu quả thực thi pháp luật tại Việt Nam trong giai đoạn 2018-2019. Tuy nhiên, báo cáo được xây dựng ở quy mô toàn quốc và đã đưa ra được những phân tích, đánh giá về tình hình tội phạm liên quan đến ĐVHD, hiệu quả thực thi pháp luật với các chỉ số được xác định dựa trên dữ liệu các vụ việc, đối tượng vi phạm bị bắt giữ và xử lý hình sự. Do vậy, báo cáo này có giá trị tham khảo và ý nghĩa quan trọng đối với các cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan quản lý trong nỗ lực phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD tại Việt Nam.

Dưới đây là một số khó khăn, vướng mắc và một số khuyến nghị được tổng hợp từ các kết quả phân tích và đánh giá nêu trên kết hợp thông tin chia sẻ của các cơ quan chức năng trong các hoạt động đi thực tế tại địa phương. Các khuyến nghị nhằm tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm về ĐVHD, bao gồm công tác thống kê, phân tích dữ liệu về loại hình tội phạm này.

4.1. Khó khăn, vướng mắc

4.1.1. Về pháp luật, chính sách và thực tiễn áp dụng

Trong giai đoạn 2018-2019, Việt Nam đã đạt được những thành tựu tiến bộ trong việc ban hành, sửa đổi các văn bản quy định pháp luật nhằm đảm bảo sự thống nhất, tạo ra hành lang pháp lý tương đối hoàn thiện hỗ trợ hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm và tội phạm liên quan đến ĐVHD. Một số kết quả đạt được thể hiện ở một số chỉ số trình bày trong báo cáo này, đặc biệt trong phần 3.5.1. Xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD giai đoạn 2018-2019 và giai đoạn 2016-2017.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD vẫn còn bộc lộ một số vướng mắc như:

- Quy định về xử lý vi phạm: chưa quy định cụ thể về cách thức tính “số lượng” bộ phận không thể tách rời sự sống làm căn cứ, tính tiết định khung hình phạt; thời điểm cấm săn bắt động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; hành vi chiếm đoạt ĐVHD, hành vi tiêu thụ ĐVHD; cách thức xác định giá trị của ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm của những loài cấm lưu thông trên thị trường; tàng trữ, vận chuyển và buôn bán sản phẩm của các loài hoang dã thuộc Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES;
- Quy định về xử lý vật chứng là ĐVHD: chưa có quy định về cơ quan quản lý chuyên ngành chăm sóc ĐVHD trong quá trình xử lý các vụ vi phạm; trình tự, thủ tục, quy trình kỹ thuật cứu hộ... Do vậy, các hình thức xử lý tang vật là ĐVHD được ghi nhận và phân tích trong báo cáo này chưa được áp dụng một cách thống nhất.
- Chưa thể xử lý hình sự đối với các pháp nhân thương mại. Mặc dù BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực từ 01/01/2018 đã quy định pháp nhân thương mại là chủ thể và có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội danh tại Điều 234, 244 BLHS. Tuy nhiên, trên thực tế, cả 05/05 vụ có đối tượng là pháp nhân thương mại ghi

nhận và phân tích trong báo cáo này đều tạm đình chỉ điều tra với lý do không xác định được người vi phạm.

4.1.2. Về công tác phối hợp liên ngành trong nước và hợp tác quốc tế

Tại Việt Nam, nhằm tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng, Ban chỉ đạo liên ngành thực thi pháp luật về kiểm soát buôn bán động vật, thực vật hoang dã Việt Nam (VIETNAM – WEN) được thành lập từ năm 2010 với 13 thành viên, bao gồm các cơ quan quản lý, cơ quan thực thi pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao. Ban chỉ đạo được thành lập với mục đích tăng cường điều phối, tham mưu cho Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan về công tác kiểm soát buôn bán động vật, thực vật hoang dã, thực thi Công ước CITES. Tuy nhiên, sự hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật chưa thực sự hiệu quả do hoạt động phối hợp chưa thường xuyên hoặc việc phối hợp chỉ được thực hiện khi có các vụ vi phạm xảy ra (Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, 2020).

Theo kết quả thống kê, phân tích trong báo cáo này, trong giai đoạn 2018-2019 chỉ ghi nhận 5,99% (16/267 vụ vi phạm) được phát hiện, bắt giữ có sự hợp tác giữa hai hoặc nhiều cơ quan thực thi pháp luật, trong đó lực lượng Công an đóng vai trò chủ trì trong phần lớn các vụ bắt giữ, tiếp đến là lực lượng Bộ đội biên phòng, lực lượng Kiểm lâm. Số liệu này cho thấy hoạt động hợp tác liên ngành giữa các cơ quan thực thi pháp luật còn tương đối hạn chế, trong khi đó, tội phạm về ĐVHD ngày càng có xu hướng mang tính có tổ chức, liên tỉnh và xuyên quốc gia. Kết quả thống kê cũng ghi nhận có 5,24% (14/267 vụ án) có yếu tố nước ngoài, chủ yếu liên quan đến Campuchia, Singapore, Malaysia, Công Gô, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) và Nigeria. Các vụ án này chưa được giải quyết triệt để trong việc làm rõ đối tượng phạm tội và phương thức hoạt động, hoạt động tương trợ tư pháp từ nước ngoài không hoặc chậm có kết quả dẫn đến nhiều vụ án tạm đình chỉ điều tra. Trong đó, tỷ lệ số vụ án và bị can tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra có xu hướng tăng trong giai đoạn 2018-2019.

4.1.3. Về nhân lực, trình độ nghiệp vụ của lực lượng thực thi pháp luật

Qua phân tích số liệu, cho thấy hoạt động của tội phạm liên quan ĐVHD ngày càng phức tạp với sự đa dạng về các hành vi vi phạm xâm hại nhiều loài ĐVHD, đối tượng phạm tội đa dạng về độ tuổi, địa bàn, phương thức thủ đoạn ngày càng tinh vi... Vì vậy, để ngăn chặn hiệu quả các hành vi phạm tội, các cơ quan thực thi pháp luật cần đảm bảo về số lượng cán bộ và trình độ nghiệp vụ.

Tuy nhiên, theo số liệu đánh giá về sự tham gia của các cơ quan thực thi pháp luật trong phát hiện, bắt giữ tội phạm về ĐVHD cho thấy, các vụ vi phạm do lực lượng Công an cấp huyện phát hiện, xử lý chiếm tỷ lệ lớn nhất là 62,56% (132/211 vụ vi phạm). Trong khi đó, ở cấp này không có lực lượng chuyên trách, đặc biệt ở các huyện giáp ranh biên giới có tình trạng buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD diễn ra phức tạp.

4.1.4. Về nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất

Trong giai đoạn 2018-2019, các lực lượng chức năng đã bắt giữ khối lượng lớn ĐVHD với 2.069 cá thể ĐVHD (sống, chết, đông lạnh) và 39.371 kg ĐVHD và sản phẩm ĐVHD. Giám

định tư pháp đối với tang vật, vật chứng là quy trình, thủ tục bắt buộc theo quy định của pháp luật và kết quả giám định tư pháp là cơ sở để quyết định, xác định mức độ của hành vi phạm tội. Tuy nhiên, chi phí giám định ĐVHD rất tốn kém, ước tính khoảng 4 triệu đồng cho một mẫu vật giám định DNA trong trường hợp không thể sử dụng phương pháp giám định bằng hình thái. Trong khi đó, nguồn kinh phí phục vụ công tác giám định của các cơ quan chức năng rất hạn chế.

4.1.5. Về công tác thống kê, phân tích, đánh giá tội phạm liên quan đến ĐVHD và sử dụng các kết quả đánh giá

- Về chu kỳ thống kê: Do thực hiện thống kê theo chu kỳ 2 năm một lần dẫn đến hồ sơ các vụ vi phạm đã được lưu trong thời gian dài, cán bộ chịu trách nhiệm xử lý vụ án có thể chuyển công tác, do đó mất nhiều thời gian khi cần xác minh/làm rõ thông tin.
- Về tổ chức thực hiện: Các khó khăn trong công tác thu thập, thống kê dữ liệu đã được trình bày tại Mục 1.5. Hạn chế của hoạt động đánh giá của báo cáo này (tính toàn diện, tính nhất quán, tính đầy đủ).

4.2. Khuyến nghị

4.2.1. Khuyến nghị 1: Sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật khi áp dụng xử lý hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD

Liên ngành tư pháp Trung ương (Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao) và các bộ, ngành khác (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài Nguyên và Môi trường; Tổng cục Hải quan...) cần tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định về xử lý vi phạm liên quan đến ĐVHD. Cụ thể như: Hướng dẫn cụ thể về cách tính “số lượng” bộ phận không thể tách rời sự sống làm căn cứ tính tiết định khung hình phạt; thời điểm cấm săn bắt động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; hành vi chiếm đoạt ĐVHD, hành vi tiêu thụ ĐVHD; cách thức xác định giá trị của ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm của những loài cấm lưu thông trên thị trường; tàng trữ, vận chuyển và buôn bán các sản phẩm của các loài hoang dã thuộc Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES; và cần có quy định rõ ràng về cơ quan quản lý chuyên ngành chăm sóc ĐVHD trong quá trình xử lý các vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD.

Trước mắt, trong khi chưa điều chỉnh các nội dung trong các văn bản pháp luật, việc phát triển một số án lệ liên quan đến ĐVHD được coi là giải pháp hữu hiệu nhằm tháo gỡ những vướng mắc của cơ quan thực thi pháp luật và đảm bảo tính thống nhất trong quá trình xử lý các vụ vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD.

4.2.2. Khuyến nghị 2: Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp liên ngành trong nước và hợp tác quốc tế

Các cơ quan thực thi pháp luật trong nước cần xây dựng cơ chế hợp tác liên ngành hiệu quả thông qua các hoạt động trao đổi thông tin về đối tượng, địa bàn, tuyến, lĩnh vực trọng điểm; phối hợp thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật liên quan đến bảo vệ ĐVHD.

Việc tổ chức rà soát và ký kết quy chế phối hợp giữa các lực lượng ở các cấp sẽ góp phần làm rõ vai trò trách nhiệm của mỗi lực lượng và xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ, thống nhất.

Bên cạnh đó, cần tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và các nước có liên quan để xây dựng khung pháp lý như Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, cung cấp quy định pháp luật liên quan và trao đổi kinh nghiệm, huy động sự tham gia với vai trò cầu nối của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong việc thúc đẩy tiến trình chia sẻ thông tin, thực hiện tương trợ.

4.2.3. Khuyến nghị 3: Chú trọng đầu tư nhân lực, nâng cao năng lực cho lực lượng thực thi pháp luật, đảm bảo nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất

Huy động nguồn lực từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ hoạt động về bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam như WCS, WWF... để tổ chức tập huấn, đào tạo chuyên sâu cho các lực lượng trực tiếp đấu tranh, phát hiện, bắt giữ, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ ĐVHD như: Kiểm lâm viên, Điều tra viên, cán bộ Hải quan, cán bộ Bộ đội biên phòng, Kiểm sát viên, Thẩm phán,... đặc biệt là lực lượng cấp huyện.

Bên cạnh đó, cần đảm bảo nguồn kinh phí cho các cơ quan thực thi pháp luật để phục vụ công tác bảo quản vật chứng, cứu hộ, chăm sóc ĐVHD và phục vụ công tác giám định nhằm đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ vi phạm về ĐVHD.

4.2.4. Khuyến nghị 4: Tổ chức thực hiện thống kê định kỳ, đầy đủ, thống nhất và khuyến khích việc tham khảo các kết quả phân tích, đánh giá tội phạm liên quan đến ĐVHD

- Về chu kỳ thống kê: Tội phạm liên quan đến ĐVHD nên được bao gồm trong hoạt động thống kê hình sự liên ngành, thực hiện hàng tháng để Viện kiểm sát nhân dân các cấp cập nhật số liệu, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác xây dựng báo cáo thống kê theo năm.
- Về tổ chức thực hiện:
 - Các trường thông tin thống kê cần được phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác. Khuyến khích sử dụng biểu mẫu Phiếu thống kê vi phạm trực tuyến để khi gửi, truyền dữ liệu thông tin các vi phạm về ĐVHD được nhanh chóng, kịp thời và khắc phục được một số lỗi thường gặp khi sử dụng bản in giấy hay văn bản đánh máy.
 - Tiếp tục duy trì việc thu thập số liệu bằng phương pháp định tính như phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm và kết hợp cùng với hoạt động thu thập số liệu định lượng. Các chuyến đi thực tế có thể được tổ chức sau khi hoàn thành việc phân tích số liệu định lượng nhằm thu thập thêm ý kiến, nhận xét, giải thích của các cá nhân, cơ quan trực tiếp phát hiện bắt giữ, xử lý các vụ vi phạm để các phân tích, nhận định trong báo cáo được toàn diện, khách quan hơn.
 - Tổ chức tập huấn về mẫu biểu, phương pháp thống kê cho các cán bộ địa phương trực tiếp thu thập, thống kê số liệu nhằm đảm bảo tính thống nhất của số liệu thu thập được.
- Về sử dụng các kết quả phân tích, đánh giá trong báo cáo: Báo cáo đánh giá này nên tiếp tục được giới thiệu và chia sẻ đến các cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan quản lý, cơ quan giám sát để có thể nắm bắt được tình hình, xu hướng, diễn biến của tội phạm và hiệu quả công tác thực thi và áp dụng pháp luật, từ đó xác định các kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh với loại hình tội phạm này, bao gồm việc đầu tư nguồn nhân lực, ngân sách cho phù hợp.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Mẫu thu thập dữ liệu

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Mã phiếu:.....

.....

PHIẾU THỐNG KÊ

Xử lý vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ các loài động vật
nguy cấp, quý, hiếm

1. Thông tin về bị can, bị cáo

1.1. Thông tin riêng

Bị can, bị cáo là cá nhân			Bị can, bị cáo là pháp nhân thương mại
Họ tên:	Giới tính: 1 ☐ Nam 2 ☐ Nữ	Quốc tịch:	Tên pháp nhân:
Ngày sinh:/...../.....	Nơi sinh:	Nơi cư trú (thường trú/ tạm trú):	Địa chỉ pháp nhân:
Số chứng minh thư, thẻ CCCD hoặc hộ chiếu:		Số điện thoại:*	Giấy phép kinh doanh số:
Lệnh, quyết định tạm giam Số.... ngày :.../.../..... Từ ngày..... đến ngày:.....		Cơ quan ra lệnh, quyết định tạm giam:	Họ tên, địa chỉ người đại diện của pháp nhân:

1.2. Thông tin chung (bao gồm cả cá nhân và pháp nhân thương mại)

Đã bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã	Số lần bị xử lý:.....	Thời điểm bị xử lý lần thứ:.... Ngày...../...../.....	Hình thức xử lý lần thứ:.....	Mức xử lý lần thứ:.....
		Thời điểm bị xử lý lần thứ:.... Ngày...../...../.....	Hình thức xử lý lần thứ:.....	Mức xử lý lần thứ:.....
				
Đã bị xử lý hình sự về hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã		Bản án: Số...ngày:../.../.....	Mức hình phạt:.....	
		Bản án: Số...ngày:../.../.....	Mức hình phạt:.....	
				
Động cơ, mục đích phạm tội: 1 ☐ kiếm lời/lợi nhuận 2 ☐ làm thực phẩm 3 ☐ làm thuốc chữa bệnh 4 ☐ vận chuyển thuê 5 ☐ làm đồ trang sức 6 ☐ làm đồ trang trí 7 ☐ khác				

2. Thông tin về tang vật

Tên loài (ghi rõ tên từng loài)	Loại hình (ghi rõ còn sống, đông lạnh, thịt, sừng, ngà, xương, vảy, sản phẩm chế tác...)	Số lượng (ghi rõ số lượng từng loài)	Trọng lượng (kg) (ghi rõ trọng lượng từng loài)
1.....			
2.....			
3.....			

Ngày bắt giữ tang vật:../../.....		Nguồn gốc ĐVHD:.....	
Nơi bắt giữ tang vật:		Địa điểm xuất phát:	Địa điểm dự kiến đến:*.
Phương tiện vận chuyển: * (ghi rõ loại phương tiện, biển kiểm soát, số hiệu chuyển bay...)			
Xử lý tang vật: (ghi rõ hình thức đã áp dụng để xử lý tang vật.)			

3. Thông tin về cơ quan phát hiện bắt giữ:

Cơ quan phát hiện, bắt giữ tang vật:

Cơ quan phối hợp bắt giữ tang vật:

4. Xử lý hành vi vi phạm

Quyết định khởi tố vụ án: Số... ngày: ../../.....	Cơ quan khởi tố:		
Quyết định khởi tố bị can: Số.... ngày:../../.....	Cơ quan khởi tố:		
Hành vi bị khởi tố: 1 ☐ săn bắt 2 ☐ giết 3 ☐ nuôi 4 ☐ nhốt 5 ☐ tàng trữ 6 ☐ vận chuyển 7 ☐ buôn bán Điều luật đã áp dụng để khởi tố (ghi rõ điều luật theo BLHS):.....			
Cáo trạng truy tố: Số..... ngày: ../../.....			
Bản án hình sự sơ thẩm: Số..... ngày :../../.....	☐ Miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt		
	Hình phạt áp dụng đối với bị cáo là cá nhân		
	Hình phạt chính: 1 ☐ phạt tiền 2 ☐ cải tạo KGG 3 ☐ án treo 4 ☐ tù có thời hạn. Mức hình phạt chính:	Hình phạt bổ sung: 1 ☐ phạt tiền 2 ☐ cấm đảm nhiệm chức vụ 3 ☐ cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định Mức hình phạt bổ sung:	

	Hình phạt áp dụng đối với bị cáo là pháp nhân TM	
	Hình phạt chính: 1 ☐ phạt tiền 2 ☐ Đình chỉ hoạt động có thời hạn 3 ☐ Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn 4 ☐ Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực.... 5 ☐ Cấm huy động vốn Mức hình phạt chính:	Các biện pháp tư pháp: 1 ☐ Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm 2 ☐ Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi 3 ☐ Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu 4 ☐ Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra. Mức Tòa án đã áp dụng:
Bản án hình sự phúc thẩm: Số....ngày :.../.../.....	☐ Miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt	
	Hình phạt áp dụng đối với bị cáo là cá nhân	
	Hình phạt chính: 1 ☐ phạt tiền 2 ☐ cải tạo KGG 3 ☐ án treo 4 ☐ tù có thời hạn. 5 ☐ hình phạt khác. Mức hình phạt chính:	Hình phạt bổ sung: 1 ☐ phạt tiền 2 ☐ cấm đảm nhiệm chức vụ 3 ☐ cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định 4 ☐ hình phạt khác. Mức hình phạt bổ sung:
	Hình phạt áp dụng đối với bị cáo là pháp nhân TM	
	Hình phạt chính: 1 ☐ Phạt tiền 2 ☐ Đình chỉ hoạt động có thời hạn 3 ☐ Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn 4 ☐ Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực.... 5 ☐ Cấm huy động vốn Mức hình phạt chính:	Các biện pháp tư pháp: 1 ☐ Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm 2 ☐ Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi 3 ☐ Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu 4 ☐ Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra. Mức Tòa án đã áp dụng:
Quyết định đình chỉ vụ án: Số.... ngày: .../.../.....	Cơ quan đình chỉ:	
Quyết định đình chỉ bị can: Số.... ngày: .../.../.....	Cơ quan đình chỉ:	

Lý do đình chỉ:.....	
Quyết định tạm đình chỉ vụ án: Số... ngày:../../.....	Cơ quan tạm đình chỉ:
Quyết định tạm đình chỉ bị can: Số.... ngày:../../...	Cơ quan tạm đình chỉ:
Lý do tạm đình chỉ:	

Người lập phiếu
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- UNODC. 2020. Báo cáo Toàn cầu về buôn bán động vật hoang dã 2020.
https://www.unodc.org/documents/data-and-analysis/wildlife/2020/World_Wildlife_Report_2020_9July.pdf
- Loh, E. H., Zambrana-Torrel, C., Olival, K. J., Bogich, T. L., Johnson, C. K., Mazet, J. A., Karesh, W., & Daszak, P. 2015. Targeting Transmission Pathways for Emerging Zoonotic Disease Surveillance and Control. *Vector borne and zoonotic diseases* (Larchmont, N.Y.), 15(7), 432–437. Nhắm mục tiêu các con đường lây truyền để giám sát và kiểm soát bệnh truyền từ động vật mới nổi. Các bệnh lây truyền qua vector và động vật.
- Agnew, D. J., J. Pearce, G. Pramod, T. Peatman, R. Watson, J. R. Beddington, and T. J. Pitcher. 2009. Estimating the worldwide extent of illegal fishing - Ước tính mức độ đánh bắt cá phi pháp trên toàn thế giới. PLoS ONE 4:e4570.
- CI. 2014. Wildlife trade and trafficking - Thương mại và buôn bán ĐVHD. <http://www.conservation.org/what/pages/wildlife-trade-and-trafficking.aspx>.
- CI, and FAO. 2002. Assessment of bushmeat trade during the annual closed season on hunting in Ghana - Đánh giá thương mại buôn bán thịt thú rừng trong mùa cấm săn bắn ở Ghana. (1/8 - 1/12/2001). <ftp://ftp.fao.org/docrep/fao/010/ai793e/ai793e00.pdf>.
- CITES. 2014. Trade database - Cơ sở dữ liệu thương mại. <http://trade.cites.org>.
- Crookes, D. J., N. Ankudey, and E. J. Milner-Gulland. 2005. The value of a long-term bushmeat market dataset as an indicator of system dynamics. *Environmental Conservation* 32:333-339 - Giá trị của tập dữ liệu thị trường thịt thú rừng lâu dài như là một chỉ số về động lực của hệ thống. Bảo tồn môi trường 32:333-339.
- CITES. 2014. Trọng lượng (Kg) sản phẩm chế tác ngà voi.
- WCS Việt Nam. 2018. Báo cáo tổng kết Tình hình Vi phạm và Thực thi pháp luật về Động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2013-2017,
- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, 2020. Báo cáo kết quả giám sát về thực hiện chính sách pháp luật thực thi Công ước về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp.

Liên hệ
Tổ chức WCS, Chương trình Việt Nam



Địa chỉ: 106 nhà D, số 3 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3514 9750

Website: <https://vietnam.wcs.org>

Email: wcsvietnam@wcs.org

Facebook: fb.com/wcs.vietnam